

SỐ 1813

SỞ GIẢI GIỚI BẢN BỒ TÁT TRONG KINH PHẠM VĨNG

Sa-môn Pháp Tạng ở chùa Ngụy Quốc tây soạn

QUYỂN 1

Pháp thân vốn rộng ứng, thấu suốt bờ giác bằng chân hình, trí mầu ngậm thông vô biên cùng cực, mà chiếu soi ảnh tượng, sáng tỏ lý thật. Ngay nơi sự có lý, vượt ngoài sự thấy nghe, phương tiện thâm hiểu sự, ngay nơi lý mà có sự. Khác xa lưới thỏ, nơm ca, Nên được Liên Hoa Tạng giới treo cao nhật nguyệt chiếu soi. Cội Bồ-đề mở cửa cam lộ để cứu giúp chúng sinh. Ngàn hoa ngàn trăm ức Lô-Xá-Na là “bản” thân. Mười giới trọng 48 giới khinh Đức Thích-ca vẫn là “Mạt” hóa, nói pháp khai mở tâm địa chứng đầu sợi lông. Ánh sáng không thể suy nghĩ bàn luận nêu Hoá thân ở đánh cội sắc. Ở đó có 42 vị Đại sĩ đồng tu, tám muôn oai nghi, Thánh hiền cùng đến. Hướng gì Hằng sa giới phẩm nhưng chỉ gom vào trong 3 nhóm giới, vô số nghiêm khoa bao gồm 6 vị, như mảnh lưới của Đại Phạm Thiên Vương đồng mà bất đồng, như biển Tát-Bà-nhã khác mà chẳng khác. Ví như mưa báu rơi ngọc ma-ni xuống thấm ướt trăm họ, như chuỗi anh lạc trang sức thân Diệu Giác.

Thế nên năm quả vị Bồ Tát đều nhờ vào “nhân viên” này, ba đời Như-lai đều do giới này mà “quả mãn” là con đường thẳng của đạo tràng, là khuôn phép tốt của hạt giống giác ngộ. Lành thay! Khó nói hết được. “Phạm” là đứng về đấng thể, lìa nhiệm đặt tên. “Lưới” dụ cho chói sáng rực rỡ, theo công năng mà lập hiệu. “Kinh” là xâu lại, khâu lại. Thể và Dụng đồng hiểu rõ. “Lô-Xá-Na” “quả viên” chiếu khắp,

“thuyết” là y cứ vào các căn cơ mà giảng nói. Bồ-tát thì nêu “nhân”, khác “quả”, rõ ràng giúp cho người có thể hành trì. Mười loại giản pháp dị nhân, hiển rõ pháp được hành trì. Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh ngăn dứt việc ác, nên gọi là Giới. Không có hai quyển nên gọi là một, gọi “Phạm Vũng Kinh Lô Xá Na Phật Thuyết, Bồ-tát thập Trọng Tứ Thập Bát Kinh Giới một quyển.

Giải thích sơ lược Kinh này thành 10 môn:

1. Nguyên sở nhân khởi giáo.
2. Thuộc về tạng nào.
3. Giới hạn nhiếp giáo
4. Các căn cơ được bao trùm
5. Giáo thể năng thuyên
6. Tông thú sở thuyên.
7. Giải thích đề mục kinh
8. Giáo khởi gốc ngọn
9. Bộ loại truyền dịch
10. Tùy văn giải thích.

I. NGUYỆN NHÂN KHỞI GIÁO:

Vì sao phân biệt giới Bồ-tát này?

Giới Bồ-tát này được phân biệt bằng 10 nguyên nhân được kể sơ lược sau đây:

1. Pháp nên như thế.
2. Chỉ bày bản hạnh
3. Nhiếp đại cơ
4. Trao pháp mạng
5. Thắng pháp bao trùm
6. Khiến thành hạnh
7. Được các vị
8. Diệt chướng nặng
9. Hiển chân tánh
10. Đắc thắng quả.

1. “Pháp nên như thế”: Bồ Tát lấy ba nhóm tịnh giới làm đạo tràng, con đường thẳng đến giác ngộ là viên nhân. Cho nên tất cả Chư Phật ra đời làm lợi lạc chúng sinh đều y theo cổ pháp. Pháp nhĩ, ban đầu Phật kết Bồ-tát Ba-la-đề-mộc-xoa là điều quan trọng của Tông này. Như con đường của Đại vương pháp nhĩ là quy tắc thường nên phải nói.

Cho nên v.v.... trở xuống là nói: “Đều ngồi dưới cội Bồ-đề mà tụng giới của Bản sư” Lại nói: “là Phật Lô-xá-na tụng, nay ta cũng tụng như thế”.

Giải thích: “Đã là giới của Phật Bản sư”.

Chỉ nói “Tụng” mà không nói “Thuyết”. Nghĩa là nói pháp này chẳng phải mới chế. Lại nói Chư Phật ba đời đã nói, đang nói, sẽ nói. “Nên biết là đồng nói”.

2. Bày bản hạnh, Ngày xưa, Chư Phật ba đời đồng tu hành giới này mà thành Tối Chánh giác. Cho nên trước khi thành đạo thì Phật đã chỉ bày điều quan trọng này khiến các Bồ-tát tu học.

Văn sau nói: “Tất cả bản nguyên của Chư Phật là hành đạo Bồ-tát”. Lại nói: “Tất cả các Bồ-tát đã học, đang học và sẽ học”.

Giải thích: “Nếu không có giới pháp này thì không có Bồ tát nào được thành Phật đạo.

3. Nhiếp đại cơ: Như lai ra đời, nếu không hiểu rõ Tỳ-ni Bồ-tát này, thì các chúng sinh mới phát tâm Bồ-đề, làm sao biết được điều nào phải làm, điều nào không nên làm, rồi đưa đến chỗ không nơi nương tựa, cho nên phải chế ra học xứ Bồ tát, giúp họ biết tiến tu. “Luận Đại Trí Độ” quyển 13 chép: “ Ví như không có chân mà muốn đi, không có cánh mà muốn bay, không có thuyền mà muốn qua sông, là không thể được. Nếu không giữ giới mà muốn cầu quả tốt thì cũng giống như thế. Nếu người bỏ giới này, thì dù ở trong núi tu khổ hạnh, ăn trái cây, uống nước muối, cũng không khác gì loài cầm thú.

4. Trao pháp mạng: Nghĩa là các chúng sinh không có giới này, thì pháp mạng không lập, có khác gì loài phi tình và súc sinh. “Kinh Anh Lạc” quyển hạ chép: “Này các Phật tử, nếu quá khứ, hiện tại, vị lai tất cả chúng sinh không thọ giới Bồ-tát thì không gọi là hữu tình thức giả, đâu khác gì loài súc sinh. Không gọi là người, thường lìa biển Tam bảo, chẳng phải là Bồ-tát, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, v.v....

5. Lợi ích cao quý: Nghĩa là đem giới Bồ-tát trên hết này để thấm nhuần chúng sinh, giúp họ thành Chánh giác.

“Kinh Anh Lạc” nói: “Lại nữa, nếu Pháp sư nào ở trong cõi nước giáo hoá được một người xuất gia thọ giới Bồ-tát, thì bằng với phước đã xây tám muôn bốn ngàn ngôi tháp. Huống gì giáo hóa được hai người, ba người cho đến trăm ngàn người thì quả là phước đó không thể nào lường được.

6. Thành các hạnh. Nghĩa là tất cả Bồ-tát đại hạnh vô biên, đều lấy Đại giới làm căn bản.

“Luận Đại Trí Độ” quyển 13 chép: “Ví như quả đất, tất cả muôn vật loại hữu hình đều bám trên đất mà sống, giới cũng như thế, là trụ xứ của tất cả pháp lành.

“Kinh Hoa Nghiêm” chép: “Ví như muốn xây cung thất, trước phải đắp nền cho vững chắc, giữ giới cũng như thế”

603- Gốc các Chúng Hạnh của Bồ-tát: “Kinh này... nói tất cả Bồ-tát đã học, đang học, sẽ học.

7. Thành tựu các giai vị: Nghĩa là Bồ-tát do đầy đủ giới, tín, hạnh được thành, nên mới được vào các giai vị Thập trụ. “Kinh Anh Lạc” nói: “Mới phát tâm xuất gia muốn nối giai vị Bồ-tát thì trước phải thọ đúng giới pháp, giới là tất cả hạnh công đức tạng căn bản, chánh hướng về con đường quả Phật.

Hỏi: Vị dùng trí mà thành, vì sao phải nói giới?

Đáp: Giới đủ ba nhóm. Trong giới Nhiếp thiện pháp có đủ Đại trí, lý cũng không trái phạm. Văn sau đây có mười Phát thú, mười Trưởng dưỡng v.v..... đều do giới này mà thành.

Hỏi: Vì sao biết được giới Bồ-tát này phần nhiều là giới mà Bồ-tát Trụ Tiền hành trì?

Đáp: “Kinh Anh Lạc” quyển hạ chép: “Ta nay ở dưới cội cây này nói cho mười bốn ức Bồ tát Thập Tín mới thọ giới pháp. Phật tử là Bồ-tát Thập Tín trong mười ngàn kiếp tu hành mười giới pháp sẽ vào Thập trụ tâm. Đây chính là ý nghĩa đó.

8. Trừ diệt chướng nặng: Trọng chướng nặng có hai:

Đó là Hoặc và Nghiệp, nay đã ngăn ngừa đầy đủ, ba nghiệp. Trong Luật Nghi giới, việc ác đều dừng, hạt giống hoặc nghiệp được trừ diệt. Nên “Kinh Anh Lạc” quyển hạ chép: “Thọ mười giới vô tận rồi, người thọ giới đã qua được bốn ma, vượt khỏi ba cõi. Từ đời này đến đời sau không mất giới này, giới này thường theo người tu hành cho đến khi thành Phật.

9. Hiển bày chân tánh nghĩa là do đủ tịnh giới Bồ-tát này, khiến cho nghiệp chướng tiêu diệt, tu thành tánh lìa rốt ráo. Dưới đây nói: “Phật tánh thường trụ, giới pháp lưu thông.

10. Được quả cao siêu: nghĩa là nhân vị rốt ráo của tịnh giới này chắc chắn phải được thắng quả Như lai viên minh. “Kinh Hoa Nghiêm” chép: “Giới là căn bản của vô thượng Bồ-đề, nên phải giữ tịnh giới đầy đủ. Kinh này nói tiếp: “chúng Bồ-tát nhiều như cát bụi do giới này mà thành Chánh giác. Đây là ý nghĩa đó.

II. THUỘC VỀ TẶNG NÀO:

Tặng có bốn loại

1/ Về hai tặng có hai: Đại thừa và Tiểu thừa đều có Bồ-tát và Thanh văn tặng. Trong bốn tặng này, Bồ-tát Tặng xếp vào Đại Thừa, hoặc xếp chung với Thanh văn tặng vào Đại Thừa. Vì trong Đại Thừa Thanh văn được chấp nhận thành Phật. Ở đây giới pháp này cũng thọ trì, cũng xếp chung Bồ-tát trong Tiểu thừa. Dùng ba mươi bốn tâm kia các việc lìa thật giới này càng không có, hoặc cũng chung cho cả Tặng Thanh văn kia. Vì bảy chúng đã trì Biệt giải thoát đều xếp vào luật nghi Bồ-tát. Cho nên pháp kia cũng ở trong đây.

2. Về ba tặng cũng có hai:

a) Chỉ có Đại thừa Tỳ-nại-đại chủng-tặng, vì giảng đầy đủ để điều phục hạnh.

b) Hoặc chung cho hai tặng khác. Vì giới gồm đủ ba nhóm luôn cả ba việc học. Thành nhân Ngũ vị đủ các tặng khác.

3. Về mười tặng cũng có hai:

a) Chỉ cho giới tặng

b) Hoặc chung các tặng khác.

Vì trong ba nhóm tóm thu các hạnh.

4. Mười hai phần giáo cũng có hai:

1. Thuộc về kinh duyên khởi

2. Cũng chung phần còn lại. Như lý nên biết.

III. GIỚI HẠN NHIẾP GIÁO:

Thánh giáo nhiều như cát bụi, tóm lược thành hai giáo: Hoá giáo và chế giáo. Hai giáo này được chia thành bốn môn:

1) Pháp khác: “Hoá giáo” nghĩa là Như lai ra đời nói pháp nhân, quả, lý, sự cho tất cả chúng sinh. “Chế giáo” là nêu lỗi bày quấy, lập chánh pháp ngăn phi lý, trái phạm thì kết tội, phân tích phạm tội khinh hay trọng đối với năm thiên bẩy tụ

2. Cơ khác: Nghĩa là giáo chung cho tất cả chúng, không kể trong hay ngoài Phật giáo. Hoá giáo thì nói chung mọi căn cơ. Còn chế giáo chỉ bí mật dành riêng cho chúng trong Phật Pháp.

3. Ích khác: “Hóa giáo” chỉ giúp hành giả xa lìa tánh ác mà khởi lòng tin Phật pháp. Còn “Chế giáo” khiến rời cả Tánh giới và già giới để giữ gìn oai nghi khuôn phép, không bị người đời chê bai. Để chúng sinh tin được ánh sáng hiển bày của chánh pháp, tự mình phải tu hành để giáo hóa người.

4. Chủ khác: Có năm hạng người được làm việc “Hóa giáo” như:

- 1) Phật
- 2) Bồ-tát
- 3) Đệ Tử
- 4) Thần tiên.
- 5) Người Biến Hoá.

Còn “Chế giáo” chỉ có Phật mới được nói, vì không ai ngoài Phật được chế giới khinh trọng. Do bốn dị nói trên mà hai giáo (hóa giáo và chế giáo) trở thành khác nhau. thuộc về chế giáo trong hai giáo này, nhưng chế giáo chung cho Đại Tiểu, vẫn thuộc về Đại.

IV. NÓI LÊN CÁC CĂN CƠ ĐƯỢC BAO TRÙM: có bốn loại: có 4 loại

1. Y cứ vào tánh
2. Y cứ vào Về già nạn
3. Y cứ vào phát tâm
4. Y cứ vào gia vị hiện tại. Về thiện tai vị

1. Trong y cứ vào tánh có 2:

a) Về Quyền giáo: Trong năm tánh thì nhị thừa Định tánh và Vô chủng tánh không được làm, vì hai hạng này chẳng phải pháp khí. Chủng tánh Bồ-tát được làm. Bất định tánh cũng được xếp vào như các thuyết của Du-già v.v....

b) Về Thật Giáo: năm tánh đều được làm việc này, vì Phật tánh tất cả đều có. Dùng thân định này để vào vắng lặng, nên gọi là Định tánh nhị thừa. Chẳng phải nói cuối cùng mà không thú hưởng Đại Bồ-đề, như các thuyết của Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng-già, Luận Bảo Tánh v.v.... Lại vì chê bai người Đại thừa là Nhất-Xiển-Đế vì y theo vô lượng thời nên nói vô tánh. Chẳng phải nói rốt ráo vô thanh tịnh tánh như luận Bảo Tánh và luận Phật tánh nói. Lại theo luận Phật tánh tự đoán nói không Phật tánh vì chẳng rõ được giáo khác như đã nói ở trước. Cho nên tất cả chúng sinh đều làm được.

2. Về già nạn: cũng có hai:

a) Tuy muốn phát tâm, nhưng có bảy già nạn hiện thân chẳng phải là pháp khí.

b) Thân tâm cần phải sám hối dứt trừ già nạn, tướng tốt tương ứng phát tâm thuần thực mới có khả năng làm pháp khí.

3. Về phát tâm, cũng có hai:

a) Tuy trong tâm có chủng tánh nhưng chưa thể phát Đại Bồ-đề

tâm hiện tại, cũng chưa có khả năng làm pháp khí giới Bồ-tát.

b) Phải phát tâm thẳng đến chánh hạnh không có các lỗi tà cấu danh lợi mới có khả năng làm pháp khí của giới Bồ-tát.

4. Về giai vị Hiện tại, cũng có hai vị:

a) Chung

b) Thi.

“Chung” là từ “Tam Hiền” trở lên, Pháp Vân trở xuống, là giai vị cuối cùng của Bồ-tát. Tuy cũng thọ trì tịnh giới Bồ-tát, nhưng đã thọ nhiều đời thì chẳng gọi là mới được, vì tánh giới đầy đủ, chẳng phải là việc chánh.

“Thi” là từ Sơ phát ý Thập Tín trở xuống. Ở giới phẩm này có thọ, có tùy, có trì, có phạm, cho nên là việc chánh. Vì theo “Kinh Bản Nghiệp” thì Thập Tín sơ phát tâm thọ mười giới này. Nhập vào vị đó chỉ có việc tu thêm là khác thôi.

V. GIÁO THỂ NĂNG THUYÊN: Lược có mười môn,

1. Môn Năng thuyên: Nghĩa là chỉ lấy tên câu văn làm thể. Dùng năng thuyên để tiêu biểu cho sở thuyên.

2. Môn Quy thật: Nghĩa là chỉ dùng âm thanh làm thể. Vì danh theo thanh giả lập chữ chẳng có tự thể riêng. Kinh nói rằng: “Dùng âm thanh làm Phật sự”.

3. Cụ nhĩ môn: Nghĩa là âm thanh và danh, phải đủ hai thứ này mới thành thuyên, biểu không lìa nhau. “Luận Thập Địa” chép: “Nói là lấy hai việc này để nói, nghe là lấy hai việc này để nghe”.

4. Câu phi môn: Nghĩa là thanh và danh đều không mất. Nói tức không nói, không nói tức là nói, thuộc về vô ký tánh. Kinh nói: “Như lai thường trụ không nói một chữ”. Bốn môn trên, ba môn chung cho Tiểu thừa. Đủ cả bốn môn là Đại thừa, thế nên đều hợp thành một việc, đều lìa cả có, không nên biết.

5. Môn Biến thông: Hương thơm, ánh sáng, tất cả các pháp đều là giáo thể. Đều giải thích lý lợi ích chúng sinh. Trong kinh nói dùng hương thơm, ánh sáng làm Phật sự.

6. Môn Thuyên chỉ: Nghĩa là năng thuyên, sở thuyên hợp lại thành tánh, vì nó không thể lìa nhau.

“Khế Kinh” chép: “Thể tánh lược có hai thứ”: Văn và Nghĩa. Văn là năng y, nghĩa là sở y.

(604) 7. Môn Duy tâm: Nghĩa là năng thuyên, sở thuyên như danh... thanh... đều do tâm thức nói, nghe. Lại làm duyên lẫn nhau. Mà

hiển hiện, nếu rời tâm thức này thì chẳng có tánh nào khác.

Kinh nói: “Ta nói thức duyên, Duy thức hiện”

8. Môn Quy chân: Nghĩa là danh..., thức... tất cả đều là chân như. Vì các tướng luống dối vốn tự nó chấm dứt. Tánh chân như thật thể tự hiển bày. Kinh nói: “tất cả pháp tức như, v.v.....

9. Môn Vô ngại: Nghĩa là tướng của chân, tướng không ngại tồn tại, tức ngôn của vô ngôn đồng pháp giới, tức chân của tướng chân đều không hiển bày. Tức nói vô ngôn mà không lời nào chưa từng nói. Đã nói vô ngôn thì chẳng phải hai. Từ thuyết vô thuyết đều tồn tại, không ngăn ngại, thông dong cho là giáo thể.

VI. TÔNG THỨ SỞ THUYỀN: có hai ý

Trước hết giải thích Tông, sau hiển bày thứ.

Hỏi: Tông và Thứ khác nhau chỗ nào?

Đáp: Chỗ biểu thị cho lời nói gọi là Tông, chỗ trở về của Tông gọi là Thứ.

Giải thích chữ Tông là ngay lời nói được tôn trọng. Thứ tức là nêu ý nghĩa của nó. “Tông” cũng có hai nghĩa: Chung và riêng.

“Chung” là lấy ba nhóm tịnh giới của Bồ-tát làm Tông, lấy chánh văn để giải thích rõ chỗ tôn sùng để thực hành. Trong “Riêng” có năm nghĩa:

1. Thọ tùy
2. Chỉ tác
3. Lý sự
4. Tạo tu
5. Duyên thu

1. Phát khởi thế nguyện lớn phải nhờ ba nhóm tịnh giới, lập chí thành tựu, nập pháp ở trong tâm, nên gọi là “Thọ” Thọ khởi ở trước, trì tâm, sau khởi, thuận với sở thọ gốc, khiến cho giới sáng sạch, nên gọi là “Tùy”. Lại “Thọ” là phát chứng chung muôn hạnh từ đời sống. “Tùy” là riêng tu thuận thành bản thế. Phải đủ hai thứ Tùy và Thọ mới thành chánh hạnh nên gọi là Tông.

2. Chỉ tác là chớ làm các việc ác lỗi nhỏ không lợi ích. Tu muôn điều lành các đức viên tu. Phải đầy đủ hai hạnh thành tựu sáng sạch nên gọi là Tông

3. Lý Sự: Nghĩa là Sự đề phòng ba nghiệp, tức dứt ác hành thiện. Dùng lý chế ngự tâm, khiến hoặc diệt, trí lập. “Luận Trí Độ” chép: “Bồ-tát cũng trì lý tánh giới. Còn trước là nghiệp chướng khiến phước

tròn đầy, sau trừ diệt hoặc chướng thành mất trí tuệ. Đây tức là hai chướng thành hai nghiêm mới là rốt ráo, nên cho là Tông.

4. Tạo tu, có bốn:

- Pháp
- Thọ
- Tướng
- Hành

1. Được thọ giới pháp.

2. Chánh thọ tương ứng

3. Biện giới tướng

4. Đối duyên trì phạm.

Tuy giải thích rõ nhiều thứ nhưng gồm nhiếp chỉ có bốn môn, nên gọi là Tông.

5. Tổng thu: Nghĩa là chư Bồ Tát Ba La mật hạnh đều đầy đủ ba nhóm. Nghĩa là nhập ba nhóm tâm, tu ba hạnh, thành ba hồi hướng. muôn hạnh Bồ-tát không gì hơn những việc này, nên lấy đó làm Tông.

“Thú” là ý là trí. Nghĩa là trì ba giới này tăng trưởng ba việc học, thành tựu giai vị Tam hiền Thập thánh. Cuối cùng khiến được ba đức, ba thân, quả Phật vô ngại, là nghĩa của Thú.

1. Luật nghi: lia lỗi hiển bày pháp thân Đoạn đức.

2. Nhiếp thiện: tu muôn hạnh lành để thành báo thân Trí đức.

3. Nhiếp chúng sinh giới thành tựu Ân đức hóa thân. Tông thú đã xong.

VII. GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC: có hai:

1. Phân tích một bộ đều là danh.

2. Giải thích mục khác của đương phẩm.

Trong phần một có hai:

1) Phạm võng là nghĩa sở thuyên, kinh là giáo năng thuyên. “Phạm”: Ấn-độ âm gọi đúng là “Phạm-lâm-ma”, phiên dịch tỉnh lược nên chỉ còn một chữ Phạm, Hán dịch là cực tịnh, vì rất trong tịnh, nên y cứ theo văn trên dưới có bốn loại:

1. *Đứng về dụng hành lễ:* “Phạm” nghĩa đương thể là mất làa nhiễm. Võng nghĩa là dụ cho công năng cao siêu. Trong đây, Phạm có một nghĩa. Nghĩa là nói năm vị hạnh thể bình đẳng tròn sạch trong sáng.

Võng có hai nghĩa:

1) Nghĩa khác nhau.

2) Nghĩa Gạn lọc

Câu đầu dụ cho năm vị khác nhau như Tín. Câu sau dụ cho năm vị gạn lọc chúng sinh từ nhân đến quả, rớt ráo giải thoát. “Phạm” có ba nghĩa là Thế, Tướng, Dụng. Trong “Vũng” có sự sai biệt là Tướng. Đây là y thể khởi dụng. Vì “Phạm” thành “Vũng”, cho nên gọi “Phạm vũng” là thuộc về giải thích là trì nghiệp. Lại cũng là nêu cả pháp lẫn dụ làm tên.

2. *Đứng về nghĩa:* Đây là nêu màn lưới của Phạm vương, dụ cho nghĩa sở thuyên. Đầu từ dụ gọi nên nói là Phạm Vũng. Vì sao? Kinh quyển thượng chép: “Khi nhìn thấy màn lưới của trời Đại phạm, nhân đó Phật nói vô lượng thế giới giống như các lỗ lưới, nhiều vô lượng khác nhau. Giáo môn của Phật cũng giống như thế.

Giải rằng: “Vì Phạm vương dăng màn lưới này cúng Phật để nghe pháp. Phật nhìn thấy các lỗ lưới kết ngọc khác nhau, ảnh hiện lẫn nhau, tầng tầng lớp lớp, Phật liền lấy đó dụ cho chúng sinh mê ngộ tự tánh mà tạo nghiệp thiện ác, khổ vui lên xuống, y báo chánh báo đan xen lẫn nhau nhưng có phạm vi riêng biệt khác nhau, nên Phật nói rằng: “Thế giới giống như các lỗ lưới, nên gọi là Phạm Vũng. Dựa theo đó giải thích là của cải, đó là Dụ.

Hỏi: Lưới Phạm ở đây và lưới Nhân-đà-la trong Kinh Hoa Nghiêm khác nhau thế nào?

Đáp: Kia là lưới Đế-thích vũng, ở đây là lưới Phạm vương. Phạm ở tại điện, lưới này ở trên cột, ý nghĩa Dụ cũng khác. Lưới Đế-thích dùng ngọc báu kết thành, các lỗ lưới ảnh hiện lẫn nhau, nói nhiều tầng lớp vô tận, khác với lưới Phạm vương dùng các lỗ lưới có nghĩa khác nhau.

3. *Đứng về giáo:* Phạm giải thích giáo là tịnh, Vũng nói lên giáo có công năng, nên Kinh Hoa Nghiêm chép: “Mở rộng lưới bủa xuống biển sinh tử, cứu vớt trời, người đặt lên bờ Niết bàn. Đó là ý nghĩa này. Cũng như Phật đã nói giáo môn nhiều như các lỗ lưới”.

4. *Đứng về giới:* “Phạm” có hai nghĩa:

a) Về vị: Tại gia trì không gọi là Phạm hạnh.

b) Về thật: Thanh văn tiểu giới không ngại ý ác không phá các kiến. Không gọi là thật Phạm. Các Bồ-tát trì ba nhóm giới, đầy đủ ngăn ngừa ba nghiệp phá kiến, nhập lý, mới gọi là thật Phạm. Ở đây như phẩm Phạm Hạnh, trong Kinh Hoa Nghiêm chép: Lưới có ba nghĩa:

1) Dụ cho giới tướng Bồ-tát như cát bụi nhỏ nhiệm khác nhau, xem lẫn nổi chìm quanh co khó biết như lỗ lưới.

2) Dụ như công năng của luật nghi giới ngăn trở hữu tình làm ác

như màng lưới.

3) Dụ cho giới Nhiếp thiện pháp, cứu với chúng sinh lặn hụp trong hai thứ sinh tử, gạn lọc mình và người đều ra khỏi, cho nên trong đây giải thích Vũng trì nghiệp thích vừa Phạm vừa.

Hỏi: Vì sao không chỉ có cách giải thích này mà còn chung ba thứ trên?

Đáp: Đây là một bộ tên chung, chẳng phải chỉ nói giới không, nên phải phân biệt chung.

“Kinh” là xâu kết lời Phật nói lại, nhiếp giữ nghĩa nên nói và chúng sinh được giáo hóa nên nói là Kinh.

2. Trong tên riêng có ba nghĩa:

a) Phật Lô-xá-na là nêu vị giáo chủ. Nói phẩm Tâm Địa Pháp Môn là một phẩm tên chung. Bồ-tát Giới Bản là trong phẩm mục khác. Trong Kinh tiếng Phạm gọi là Tỳ-lô-giá-na. Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, nhưng có hai nghĩa:

1) Bên trong dùng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp pháp giới. Đây là đứng về nghĩa tự thọ dụng.

2) Bên ngoài dùng ánh sáng trí tuệ chiếu ứng đại cơ. Đây là đứng về nghĩa tha thọ dụng. Vì sao ở đầu kinh nêu tên gọi này, là phân biệt khác với kinh do hóa thân Đức Thích-ca nói. Còn Phạm Vũng trở xuống nêu tên này là các (605) phẩm khác. Trong Đại Bản Kinh Phạm Vũng chỉ có phẩm này là do Phật Lô-xá-na nói. Phẩm khác là Đức Thích-ca nói. “Thuyết” là viên âm ứng cơ diễn bày lý mẫu này nên nói là Thuyết. Bồ-tát như thường đã giải thích. “Tâm” là 50 tâm như Tín, v.v... mà Bồ-tát này khởi lên. “Địa” tức là, các vị như Tín, v.v..... gọi chung là “Địa”. Trong “Luận Thập Địa”, Địa tiền được gọi chung là Tín hạnh địa, nên câu hữu sinh thành gọi chung là Địa, đều là khuôn phép tốt, gọi là pháp. Thông trí đi dạo sâu là “môn”. Khác loại gọi là phẩm. Nay ở trong phẩm giải thích riêng như giới phẩm Bồ-tát này, cho nên nêu riêng. Nghĩa ngăn quấy dứt ác là “giới”. Sơ lược khác với đầy đủ gọi là “bản”.

VIII. NÓI VỀ GIÁO BẢN MẬT: có hai nghĩa:

Trước nói giới này, sau hiển bày loại khác.

1) Chỗ đến của giới này: Đây là giới bản của Chư Phật trong pháp giới ba đời chứ chẳng phải mới chế. Xá-nặng Bồ-tát tu hành giới này vị mãn thành Phật. Trên thế giới Liên Hoa Đài Tạng, vì muốn lợi lạc chúng sinh, nên tụng ra truyền trao hóa thân, khiến cho mọi người ở cõi

Diêm-Phù-Đề vì chúng sinh phương tiện tụng ra, nên có được giới bản này. Tương truyền bản của ngài La-thập Tây Vực có 6 muôn bài tụng 61 phẩm, phiên dịch đầy đủ thành ba trăm quyển, chưa truyền đến cõi này nên không đầy đủ.

2) Loại giới khác: Như trong “Lương triều Nhiếp Luận giới học” có dẫn Kinh Tỳ-Nại-Da-Cù-Sát na-Tỳ-Phật-Lược chép: “Bồ-tát giới có mười muôn thứ khác nhau, Như Đại bản này chưa truyền bá ở khu vực này. Tương truyền, Tam tạng Chân Đế chở Tạng luật Bồ-tát đến Trung Hoa. Trên đường đi Nam Hải, thuyền sắp chìm, người trên thuyền vứt bớt các đồ vật khác xuống vẫn không chạy nổi, cuối cùng phải ném bộ luật xuống biển thuyền mới chạy tới được. Ngài Chân Đế than rằng: “Giới luật Bồ-tát không có duyên với đất Hán, thật đáng buồn”. Tương truyền ở châu Tây Lương có Sa-môn Pháp Tấn đến cầu Tam tạng Đàm-Vô-Sấm thọ giới Bồ-tát và thỉnh Ngài dịch giới bản. Sấm nói: “Tánh tình người nước này phần nhiều xảo trá, lại không có khuôn phép, đâu có khả năng làm đạo khí Bồ-tát, bèn không cho thọ. Tấn thỉnh mãi không được, bèn ở trước tượng Phật lập lời thệ nguyện tha thiết cầu giới. Vừa được bảy ngày, Đạo Tấn nằm mộng thấy đức Di-lặc đích thân trao giới luôn cả quyển giới bản, sau khi tụng xong thì tỉnh giấc, Đạo Tấn đến gặp Đàm-Vô-Sấm. Sấm nhìn thấy Đạo Tấn có tướng khác lạ, nên thốt lời khen rằng: “Đất Hán cũng có người”. Rồi ngài liền dịch một quyển giới bản, văn nghĩa giống như trong giấc mộng của Đạo Tấn. Nay bài kệ quy mạng được đặt ở đầu quyển giới bản Địa Trì đó. Lại nghe các chùa Tiểu thừa ở Ấn-độ tôn ngài Tân-Đầu-Lô làm Thượng tọa, các chùa Đại Thừa tôn ngài Văn-thù-sư-lợi làm Thượng tọa. Khiến chúng đồng trì giới Bồ-tát, Yết-ma thuyết giới đều làm pháp sự Bồ-tát. Luật tạng thường tụng không dứt. Nhưng năm luật bốn bộ của Thanh văn Trung Hoa lưu hành đã lâu, còn Luật tạng Bồ-tát từ xưa chưa có lưu hành. Đàm-Vô-Sấm nói ở đây đã chứng nghiệm. Đến nỗi xưa nay có người phát tâm thọ giới, nhưng ở về trì phạm còn mịt mờ chưa được nghe. Than thở rất nhiều, không thể được, tâm nhỏ hẹp mong muốn hân nh cao quý này, mỗi khi có điều gì không hiểu chỉ biết hướng về phương Tây nguyện cầu nhưng không toại ý, mà lòng vẫn không thôi. Về sau, tìm kiếm được đầy đủ Tạng kinh, nhật nhanh được những chỗ còn bỏ sót, ghi chép thành Bồ-tát Tỳ-ni Tạng, 20 quyển. Trong đó nhận thấy Giới bản Bồ-tát từ trước đến nay chưa được các thiên đức giải thích đầy đủ. Nay mạo muội đem sự ngu dốt cùng cực của mình để thuật tán, ngõ hầu cùng các đồng nghiệp biết sơ về trì phạm mà thôi.

IX. DUYÊN KHỞI TRUYỀN DỊCH

Đời Diêu Tần, vua Diêu Hưng, niên hiệu Hoàng Thi thứ 3, có Tam tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng Thọ, người ở Tây Vực, Pháp sư giữ giới Bồ-tát nên thường tụng phẩm Tâm Địa Pháp Môn này. Nội dung Phẩm này nói lược về giới tướng Bồ tát. Hầu hết người Ấn-độ giữ giới Bồ-tát đều tụng. Lúc đó, Sa-môn Tuệ Dung, Đạo Tường, v.v... cùng hơn 800 người xin thọ giới Bồ-tát với ngài La-thập. Pháp sư liền ở tại vườn Tiêu Dao (có người nói là chùa Thảo Đường) thuộc Trường An, cùng các học sĩ phiên dịch hơn 50 bộ kinh. Bộ Kinh Phạm Vũng là bộ được dịch cuối cùng của ngài La-thập. Trong việc phiên dịch đó có ngài tuệ Dung làm người ghi chép, cũng đồng tụng trì. Và được chép riêng thành quyển hạ này. Bài kệ tụng giới tướng là một quyển. Sau này gọi là quyển giới tướng 10 trọng 48 khinh. Quyển đầu riêng nêu các mục đương thời thọ giới yết-ma. Nhưng nói trong phẩm “Yết Ma Xuất Phạm Vũng Kinh Luật Tạng”. Phật Lô-xá-na là Diệu Hải Vương trao giới pháp Bồ tát cho Thiên Tử, có khoảng hơn 800 người tụng giới bản này.

X. TÙY VĂN GIẢI THÍCH NGHĨA

Trong văn này chia làm ba phần:

- 1- Bài kệ, 11 hàng rưỡi là phần nêu nguồn gốc khen ngợi giới.
- 2- Từ bấy giờ trở xuống là phần đối duyên chánh thuyết.
- 3- Từ nay tà mạng ở dưới cội Bồ-đề này trở xuống, là phần kết thuyết khuyến trì.

GIẢI THÍCH:

Phần giới khởi phải theo.

Phần đối duyên chánh nói

Phần kết nói khuyến học

Trong phần 1 chia làm hai nghĩa:

Có năm bài kệ nói về nguồn gốc hiển giới.

6 bài kệ rưỡi là khen giới khuyến trì.

Giải thích năm giới trước chỗ phải theo là tốt đẹp.

Giới Sĩ lưu là cao quý.

Còn trước là người truyền giới cao quý. Sau là giới được truyền cao quý. Trong phần trước có bốn:

Tụng nói Lô-xá-na chân thân khởi ngàn hóa Phật

Một bài tụng nói về ngàn hóa Phật đều hóa thành trăm ức Thích-

ca.

Một bài tụng nói hóa thân có truyền thông giới này.

Hai câu trên nói: Bản nguyên thật thân,

Hai câu dưới là Hiện ngàn Phật

Trong đây Phật Lô-xá-na có ba nghĩa: Có người giải thích rằng: “Lô xá na trên đài hoa ngàn cánh là thân Tự thọ dụng, Phật trên hoa ngàn cánh là thân Tha thọ dụng. Trăm ức Thích-ca là thân biến hóa, giải thích này e không hợp lý, vì Phật trên đài hoa cũng là Thân tùy tha thọ dụng. Nay giải thích, trong Đức Phật này tự Thật thành và Ứng cơ hóa cảnh. Trong các Thánh giáo có năm thuyết:

1. Về các bộ Tiểu Thừa. Trong Đại thiên có trăm ức Diêm phù, chỉ có Đức Thích-ca của Diêm-phù này là Thật báo thành Phật, Châu khác đều là Hóa võng. Vốn không nói về Phật Lô-xá-na.

2. Nếu nói theo các thuyết Đại thừa thì trên cõi trời Ma-hê-thủ-la có một vị Thật báo thành Phật, lấy một Đại thiên thế giới làm cảnh sở duyên, hóa thành trăm ức Thích-ca nhất thời thành Phật.

3. Theo kinh này, thì thế giới Liên Hoa Đài tạng thân thật ngồi trên đài hoa thành Phật gọi là Lô-xá-na, trên ngàn Đức Thích-ca quý trên ngàn cánh hoa thì ngàn Ma-hê-thủ-la trên trời đều có một đức Thích-ca. Ngàn Thích-ca này mỗi vị đều hóa thành trăm ức Đức Thích-ca. Có trăm ngàn ức Thích-ca ở ngàn trăm ức nước dưới cây Bồ-đề đồng thời thành Phật. Y theo đây thì khi một thân thật thành Phật lấy thế giới tam thiên làm cảnh hóa chủ, hợp với ngàn trăm ức thân, gàn Phật Thích-ca là Thật báo, Ngàn trăm ức Đức Thích-ca là hóa thân

(606) 4/. Theo Nhiếp Luận, thì thân thọ dụng có hai thứ:

1. Tự Thọ dụng, là thật thân thành Phật gọi là Pháp giới thành. Thân và cõi tương xứng, y báo và chánh báo vô ngại, chỉ có Phật độc trụ, không có Bồ-tát.

2. Tùy thân Tha thọ dụng, là Bồ-tát a thượng ở trong Tịnh độ hiện thân nói pháp, là căn cơ địa tiền hiện hóa thân Phật, sở chủ hóa cảnh còn rộng hơn trước. Luận Đại Trí Độ nói: “Số Tam thiên đại thiên thế giới này, như Hằng sa là một thế giới chầy. Số thế giới chầy này khắp mười phương Hằng sa là một thế giới Phật, là cảnh giới của Phật Thích-ca hóa hiện.

5. Theo Kinh Hoa Nghiêm thì không ai thành, không ai chẳng thành, nên Lô-xá-na ở tất cả nơi đều thật thân thành Phật. Lại vì Lô-xá-na tức là Thích-ca không phân biệt Báo và Hóa cảnh vô biên vô tận, và như loại núi Tu-di, số thế giới cùng tận mười phương khắp hư

không khắp pháp giới. Còn một loại hình cây thế giới cũng khắp pháp giới. Đứng cạnh thế giới giữa, thế giới úp, các thế giới chúng sinh có vô lượng loại hình.

Mỗi loại hình này đều trùm khắp pháp giới. Nhưng không chướng ngại lẫn nhau. Còn nhiều loại khác đều xéo vào bên thế giới Liên hoa tạng, do đó nên Kinh Hoa Nghiêm cũng nói là Vô tận. Lại dùng Hoa tạng giới trong mỗi cát bụi hiện ra tất cả thế giới, như màn lưới của trời Đại Phạm thiên, lớp lớp vô tận. Vô tận biểu thị vượt qua suy nghĩ bàn luận. Những chỗ này đều là nơi xoay bánh xe pháp của Phật Lô-xá-na. Nay trong văn vần y như nghĩa thứ ba nói ở hai câu trên.

Câu 1: Hiển bày bản thân Phật.

Câu 2: Nói về nguyên độ.

Câu thứ 1: Vì Phật Lô-xá-na tự nói, nên nói: nay ta. Nhưng phân biệt chung thì “Ngã” lược có 6 nghĩa:

1. Chấp ngã: là phân biệt, câu sinh ở phàm vị.
2. Mạn ngã: chỉ cho câu sinh ở địa vị hữu học.
3. Tập khí ngã: Hai ngã tập khí còn lại ở vị Vô học
4. Tùy thế lưu bố ngã: Chư Phật tùy theo thế gian giả gọi.
5. Tự tại ngã: Tự tại Như lai lấy trí Hậu đắc làm tánh.
6. Chân ngã: Chân như thường lạc ngã tịnh làm tánh. Trong đây gọi Ngã chung cho ba loại sau. Tùy theo nghĩa nên biết, “Lô-xá-na” nghĩa như trước đã giải thích.

Câu thứ hai: Nói “đang ngồi đài hoa sen” phương có hai nghĩa:

Tương dục, nghĩa là phương hướng

b) Chánh trụ, nghĩa là đang ngồi.

Nay theo nghĩa sau. Vì đang ngồi trên hoa nên gọi là đang ngồi vậy.

“Đài Hoa sen” là y chỉ viên mãn trong 18 viên mãn,. Các luận giải thích chung có ba nghĩa:

Y cứ vào sự

Y cứ vào lý

Y cứ vô ngại.

“Nói về Sự”: Nghĩa là Như lai đã cảm được Đại bảo liên hoa Vương làm chỗ y chỉ. Nhưng phân biệt chung hoa sen gồm có bốn loại. Luận Đại Trí Độ chép:

1. Hoa sen của loài người có mười cánh trở lên.
2. Hoa sen cõi trời có trăm cánh trở lên.
3. Hoa sen của Bồ-tát có ngàn cánh trở lên

4. Nghĩa y cứ theo hoa sen Phật là vô hạn lượng.

Nên trong Kinh Hoa Nghiêm, tòa hoa sen lớn không nói số cánh. Chỉ nói rằng: “Mỗi cánh hoa đều đầy khắp pháp giới.

2. Nói về lý: Như lai trí thân y theo nghĩa chân lý nên dùng hoa sen để tiêu biểu cũng có bốn nghĩa. Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép:

1) Như hoa sen ở thế gian trong bùn mà không nhiễm ô. Thí như pháp tánh chân như ở thế gian mà không bị làm ô nhiễm.

2) Như hoa sen tánh tự khai mở. Thí như chân như tự tánh khai ngộ chúng sinh, nêu chứng thì tự tánh khai mở.

3) Như hoa sen được bầy ong đến hút mật. Thí như chân như được các thánh sử dụng.

4) Như hoa sen có bốn tính chất: Hương, tịnh, mềm mại và đáng yêu.

Thí như Chân như có bốn đức: Thường, lạc, ngã, tịnh

3- Lý sự vô ngại: nghĩa là quả Phật viên dung lý sự hỗn hợp (thông), y chánh tự tại tức nhau vô ngại. Suy nghĩ điều này rất dễ hiểu.

Trong hai câu dưới:

1. Nói chỗ mà Phật an trụ: nghĩa là trên ngàn cánh hoa, hoặc nói rằng: “ Thiên liên”, câu dưới là Phật sở hiện. Ngàn này vẫn là xếp vào thân thọ dụng. Có người giải thích rằng: “Nếu đứng về tướng hiển bày thì thân Lô-xá-na là Thập địa sau vị Bồ-tát Đẳng giác hiện. Ngàn Đức Thích-ca này là Bồ-tát Sơ địa trở lên hiện, ở đây cũng không trái.

2. Một bài tụng, một câu thứ hai nói ngàn Phật lại hiện trăm ức Thích-ca. Bốn câu trước giải thích một hoa đã hiện. Câu sau kết thúc các hoa khác. Câu đầu nêu một hoa đứng đầu trăm ức cõi nước. Ở châu Thiệm bộ phía Nam, dưới gốc cây Bồ-đề có một Đức Thích-ca, đồng thời thành Phật nên nói đều ngồi, v.v..

“Loại kết” nói như thế. Chính là ngàn trăm ức.

3. 1 tụng 2 câu thứ ba nói Hóa Phật từ Báo Phật lãnh thọ giới pháp.

Câu đầu nêu bản thân Phật Lô-xá-na là chỗ của Hóa Phật xuất ra cho nên phải nêu. Câu kế nêu số hóa thân, câu kế nữa nói chủ thể nắm đầy đủ Đại chúng quyến thuộc. Câu kế nói lên chủ bạn đều đến chỗ Lô-xá-na. Câu kế chánh thọ giới pháp. Câu kế nói lợi ích của giới, nghĩa là giới mẫu này trong các thuyết đó rất giống với chữ Cam lộ. Vị ngon trong các vị, ở đây đầu tiên nói ra nên nói khai môn.

Giải thích: “Cam lộ có ba nghĩa:

- 1) Ăn được no đủ, nhiếp thiện bên trong đầy đủ.
- 2) Uống vào dứt bệnh khát, đồng với nhiếp sinh cứu giúp
- 3) Uống thuốc vào hết bệnh tật, đồng với luật nghi dứt ác, nên gọi là Dụ.

Cam Lộ là thuốc tiên. Uống vào sống mãi không chết. Được giới mang này, cùng tận đời vị lai.

- 4) Hội bài tụng, 1 câu nói hóa y cứ vào có truyền thông bản giới, câu giữa đều trở về bản vị.

(607) Hai câu sau truyền chung giới này, nghĩa là giới pháp này Chư Phật làm thầy nên gọi là giới Bản Sư. 10 giới trọng xuất xứ từ số giới tướng khinh trọng. Từ trước đến nay nêu nguồn gốc hiển bày giới đã xong. Từ đây trở xuống là Thứ hai khen giới khuyên trì, trong đó có hai:

Có ba hàng một câu, khen ngợi lợi ích khuyên tho, ba hàng sau một câu nêu pháp khuyên tin. Trong câu đầu có sáu ý:

1. Hai câu: Giải thích giới đức viên mãn. Trong phần đầu pháp được vô minh tam tối lớn, ra khỏi đêm dài sinh tử. Hiển bày không trụ Niết-bàn, nên nói như “nhật nguyệt”.

2. Có thể trang nghiêm hành giả. Khiến Chư Phật hộ niệm người trời vui vẻ, nên nói như “chuỗi anh lạc”.

Giải thích, ban đầu là tuệ nghiêm, sau là phước nghiêm.: “Luật Nghi giới vì có công năng phá tối tăm, xấu ác cho nên ví như “mặt nhật”, “giới Nhiếp chúng sinh” lấy đại bi mát mẻ làm tương nên nói giống như “mặt nguyệt”. “giới Nhiếp thiện pháp” vì có công năng nhiếp tu đầy đủ các pháp tốt đẹp để tự mang bèo mình nên nói như “chuỗi anh lạc”. Hai câu kế nói: “Giới dụng sâu rộng, nghĩa là Bồ-tát nhiều như cát bụi là nhiều người đồng hành cho nên cao quý. Do đây thành Chánh giác có thể thành Đại quả nên thông gọi là, cũng vì câu trước là rộng, câu sau là sâu.

3. Hai câu kế nói người đại tụng trì nên gọi là “Thắng”, câu đầu là Báo Phật, câu sau là Hóa Phật.

4. Hai câu kế: Nêu lợi ích khuyên học, thành hạnh tự lợi.

5. Hai câu kế: Giáo lệnh chuyển trao thành hạnh lợi tha.

6. Ba câu kế: Răn nghe lời Phật tụng, vì trong giới này chứa nhóm đầy đủ các đức nên nói là “Tạng”. Lại còn phân biệt Định cộng giới và Đạo cộng giới nên nói giới là Ba-la-đề-mộc-xoa. Phạm ngữ là Ba-la-đề, Hán dịch là Biệt, gọi đủ là Tỳ-mộc-xoa, Hán dịch là Giải thoát

Trì giới hạnh này, đối với các cảnh phạm đều biệt biệt giải thoát

cho nên gọi như vậy. Lại có thể ngay trong sinh tử mà được giải thoát.

2. Trong nêu pháp khuyến tu chia làm ba:

a) Năm câu nói tin pháp thành lợi ích.

b) Khuyến chung sinh tín

c) Hai câu nêu ra cảnh sở tín, lại là phương tiện sinh tín. Nghĩa là tin chính mình có Phật tánh, tức là quyết định tương lai thành Phật. Hai câu phân biệt tin ích, nghĩa là tín tự có tánh trụ Phật tánh. Tin Phật là chỉ đắc quả tánh. Nghĩa là khởi tin này tức là phát nhập vào lý Bồ-tát tâm, đây là đắc giới. Nên Kinh Vô Cấu Xưng chép: “Phát tâm Bồ-đề là xuất gia, tức là thọ giới cụ túc, thành tánh Tỳ-kheo. Đây chính là nghĩa đó.

2. Có sáu câu khuyến chúng thọ giới, trong đó có hai:

1. Hai câu khuyến chung thọ giới.

Tức là văn dưới chỉ giải lời Pháp sư nói thọ hết được hành nên nói tất cả có tâm. Phạm những người có tâm đều nói có Phật tánh. Có Phật tánh nên có khả năng làm đạo khí. Nên nói rằng: “Nhiếp Phật giới”. Còn trước là Phật sẽ thành là y cứ thể Phật tánh. Đây nói người hữu tâm, đều thuộc về Phật giới, là dụng của Phật tánh.

2. Bốn câu kể, giải thích lợi ích nhiếp giới. Nghĩa là vào trong ba nhóm giới Bồ-tát, tức là vị của Phật bản nhân, nên gọi là Phật tử. Dưới đây các giới đều gọi là Phật tử.

3. Hai câu sau vì có lợi ích này nên khuyến chúng nghe tụng, từ trước đến nay chính là phần thứ nhất, nêu nguồn gốc khen ngợi giới đã xong.

I. ĐẠI ĐOẠN CHÁNH THUYẾT, chia làm ba:

1. Nói về việc đương thời là bài tựa của người kết tập

2. ”Bảo các Bồ-tát v.v....” là chánh tụng.

3. Từ tà mạng đã nói, v.v.. trở xuống là kết khuyến thọ trì

- Trong phần đầu có bốn:

1. Bài tựa về thời gian nơi chốn thành Phật

2. Bài tựa về giới tướng đã kết

3. Bài tựa ánh sáng nơi miệng tiêu biểu cho lời nói

4. Tựa chúng nhóm họp nghe thọ

Trong phần đầu, “bấy giờ” là hóa thân này từ ý chí mà Báo Phật đã thọ trở lại đến đây, nên nói: là bấy giờ. Đức “Thích-ca” Hán dịch là “Năng”, thuộc về “Tánh”. “Mâu-ni” Hán dịch là “Tịch”. Cây Bồ-đề ở nước Ma-già-đà. Ở dưới gốc cây này có tòa Kim cương. Ngàn Phật ở kiếp Hiền đều ở trên tòa này thành đẳng Chánh giác, dưới gốc cây này

được Bồ-đề nên gọi là cây Bồ-đề. Bắt đầu ngồi thành Phật, nên nói là sơ tọa.

- Tựa đã kết giới, có hai ý:

1. Biện tướng
2. Hội danh.

Trong phần trước cho là giới này chẳng phải đợi phạm rồi mới chế. Trước lúc thành Phật đã kết giới này. Không đồng với giới Thanh văn, nên nói ban đầu kết Ba-la-đề-một-xoa. “Hiếu” là đối với bậc trên khởi tâm sâu. Nhớ ân tôn kính vui kính mến cúng dường. “Thuận” là lìa bỏ cái thấy của mình, thuận theo lời dạy của bậc trên. Hiếu thuận với ai? Lược ra ba cảnh:

- Ân cha mẹ sinh dục
- Ân thầy tổ dạy bảo
- Ân cầu Tam bảo che chở.

Nhưng cha mẹ có hai vị:

- Cha mẹ hiện đời.

- Cha mẹ quá khứ. Nghĩa là tất cả chúng sinh đều được cha mẹ sinh ra. Nay do giữ giới đối với cha mẹ rất sinh tâm kính dưỡng. Nay tu gốc lành phát tâm Bồ-đề. Đời nay, đời sau lìa khổ được an vui. Nay do phát tâm Bồ-đề giữ giới Bồ-tát, cứu giúp tất cả chúng sinh đều là hiếu thuận. Còn do giữ giới Bồ-tát thanh tịnh nên được đạo lực cứu hộ tất cả chúng sinh. Nên đối với cha mẹ quá khứ, hiện tại cũng là hiếu thuận, lại cúng dường hiếu thuận sư tăng, Tam bảo, văn dưới đây có nói đủ. Còn vì đúng như lời tu hành là báo đáp ân đó nên thuộc về hiếu thuận. “pháp Chí đạo” là đạo chí cực, chẳng gì trước pháp này. Còn tu theo đạo này sẽ được đến quả nên nói là chí đạo. Nghĩa là thực hành liễu nhân đến quả Niết-bàn, còn thực hành sinh nhân đến quả Bồ-đề.

2. Hội danh, nghĩa là thực hành hạnh hiếu này, tức là thuận theo lời dạy không trái với tên gọi là trì giới, nên Hiếu gọi là Giới. Giới nghĩa là chế ngự ba nghiệp dứt bỏ các điều ác. Nên nói giới cũng gọi là chế chỉ.

3. Tựa ánh sáng nơi miệng Phật: Như lai sắp nói giới pháp, trước hết nơi miệng vàng phát ra ánh sáng rực rỡ, giật tỉnh khiến chúng sinh biết, nên từ miệng Ngài nhả ra giới pháp chiếu sáng vào tâm Ngài, nên hiện ra tướng này khiến chúng sinh nhóm họp lại.

4. Tựa chúng sinh tụ tập nghe, trước hết nhóm chúng.

- Phân biệt kính nghe. Chắp tay nghi thức thân không kiêu mạn, dốc lòng trụ niệm không tán loạn.

Thứ 2: Trong đối cơ chính tụng có hai:

Giới pháp rất cao quý.

Cho nên các Phật Tử phải chánh thọ khuyên tu học.

Câu một, có hai ý:

Y cứ vào người nói lên sự thù thắng.

Cho nên giới, v.v... trở xuống là đứng về pháp giải thích cao quý.

Câu trước có hai ý:

a) Đứng về Phật tự thông, nói lên người cao quý tụng nên nói giới cao quý.

b) Đứng về năm vị Bồ-tát chúng tụng. Nói nhiều người tụng nên nói giới cao quý vậy. Vì tín hành không thành vị nên chỉ nói phát tâm. Vì Thập trụ là mới vào vị Tam hiền nên nói là Thập Phát Thú. Thập hạnh tu thêm gốc lành nên gọi là Trưởng Dưỡng, Thập Hồi hướng là thế gian tu rất ráo vững chắc không hoại nên gọi là Thập Kim cương. Đây là Thập Địa nên biết. Cho nên “giới quang từ miệng phát ra” là trước từ từ mới phát tâm cho đến hết Thập Địa.

Từ vô số kiếp thường tụng trì. Đến sau khi tụng ánh sáng trong miệng phát ra mỗi khi nói giới. Như “Luận Trí Độ” nói: có ba hạng Tỳ-kheo nhờ nhiều đời nói pháp nên từ miệng thoảng ra mùi thơm, cũng giống như thế.

Giải thích, vì giới pháp này phá tối vô minh, theo dụng gọi là ánh sáng. “có duyên chẳng phải vô cơ” là nay tụng giới này miệng phát ra giới quang chẳng phải không có nhân duyên. Vì nhiều kiếp chứa nhóm nhân duyên rất chắc chắn đến đời được như thế.

Giải thích: Đây thuộc về thứ hai, đứng về pháp giải thích sự cao quý, trong đó có ba nghĩa:

1) Nói về giới không tự tánh, khởi nhờ nhân duyên, nghĩa là giới pháp này đã từ nhân duyên, phi tự tánh. Giới vô tự tánh gọi là giới quang. Vì Phật nói là duyên, cơ cảm là nhân, hoặc thầy trao là duyên. tâm Bồ-đề là nhân. Giới vô tự tánh mới được phát khởi. Nên nói rằng: “Có duyên chẳng phải không nhân.

2) Giới thể sâu kín. Câu “Cố quang quang đẳng”, “Quang” dụ cho giới, nghĩa là nhân duyên phát ra giới thể nhiều vô lượng vô số nên nói: “Quang quang”. “Cố” là lý do. Nghĩa là giới quang này là nhân duyên sinh. Cho nên vô tánh, vì lìa tướng nên nói chẳng phải xanh v.v..... Trong đó ba câu:

Lìa sắc tâm nghĩa là chân giới tánh này chẳng phải chất ngại còn chẳng phải duyên lự. Nên nói “chẳng phải sắc tâm”.

Giải thích, giới ở tư chủng mà dựng lập. Nên dùng tư chủng làm thể, nên nói là “phi tâm”.

2. Lìa hữu vô, nghĩa là giới duyên khởi không có tự tướng, tức duyên chẳng phải giới, lìa duyên vô giới. Dứt tức dứt lìa (608) không được trung gian. Câu giới như thế không phải là hữu vô. Nhưng giới này chẳng phải vô, giới này là bất hữu. Vì bất đồng sừng thỏ không nhân duyên, cho nên giới này dứt hết hữu vô. Lại có thể chẳng phải sở chấp nên bất hữu. Từ duyên khởi nên chẳng phải vô. Lại từ duyên khởi nên chẳng có. Chẳng phải sở chấp nên chẳng phải vô, nên nói rằng phi hữu phi vô. Vì giới xứng tánh lìa năng sở sinh nên chẳng phải nhân quả

Lìa nhân quả.

Giải thích, vì giới có công năng thành quả Đại Bồ-đề quả kia nên chẳng phải quả pháp. Lại nhờ Bồ-đề tâm làm nhân khởi nên pháp phi nhân. Vì quả chẳng phải quả, tức là nhân. Nhân đây chẳng phải nhân tức quả. Cho nên khắc tánh chẳng phải nhân quả.

3) “Bản của Chư Phật”...v.v..... trở xuống là nói rộng về dụng của giới.

Trong đó có ba ý:

a) Nói về giới tuy chẳng phải quả mà có khả năng làm quả, nên nói rằng: Bản nguyên của Chư Phật.

b) Nói về giới tuy chẳng phải nhân mà có khả năng làm nhân, nên nói rằng căn bản của Bồ-tát, vì Bồ-tát là nhân vị.

3. Tuy đều chẳng phải nhân quả, nhưng có thể chung làm gốc cho đại chúng.

2. Cho nên, v.v..... trở xuống là kết khuyên tu học. Nên thọ, nên trì, nên tụng văn, nên học nghĩa.

Thứ hai: Nói trong giới có duyên đầy đủ.

1. Nêu thọ giới Phật.

2. Phân biệt giới có khác nhau. Có 20 chúng, ở trong người biến hóa. Như có thể biến thành người, Tiểu thừa nhập vào khó. Trong đây là chung. Sau chỉ hiểu lời Pháp sư... trở xuống là kết chung nhiều môn. Nghĩa khác có thể biết.

II. TRONG PHẦN CHÁNH THÔNG GIỚI TƯỚNG

THỨ HAI: có hai:

Trước giải thích chung tướng tùy giới, lược chia thành sáu môn: lược làm 6 môn:

1. Giải thích tên

2. Chia ra khinh trọng
 3. Nói về phương tiện đủ thiếu
 4. Trì phạm thô tế.
 5. Các bộ chủng loại.
 6. Đối với Tiểu phân biệt khác.
- Điều như nói riêng.

Trong phần giải thích riêng giới tướng cũng có hai:

- a. Nói mười giới trọng,
- b. Nói 48 giới khinh.

Trước có ba:

- 1) Nêu số khuyên trì
- 2) Lập danh giải thích tướng.
- 3) Tổng kết khuyên trì

Lại cũng có thể chia ra:

- 1) Tụng chung.
- 2) Tụng riêng.
- 3) Kết khuyên

1. Trong chung chia làm bốn:

- 1) Nêu số
- 2) Nếu thọ, v.v..... trở xuống là khuyên tụng văn đó. Trong đó trước nói không tụng có tổn. “Phi Bồ-tát” là trước hiện hành tâm Bồ-đề. Chẳng phải hạt giống là hạt giống trái với tâm Bồ-đề. Lại trước mất vị sau mất hạnh, sau nêu Phật tự tụng rõ ràng mà có lợi ích.

3) Khuyên học nghĩa của nó. Nghĩa là nêu ba đời đều học khuyên thọ học.

4) Đã nói lược v.v.... trở xuống là kết nói khuyên trì. Điều nên biết.

2. Trong phần lập danh giải thích tướng, trước dùng nghĩa để phân biệt, sau là giải thích bản văn.

a) Ban đầu mười giới trong thứ lược làm mười môn.

- 1- Giải thích tên
- 2- Nói nhân phạm
- 3- Nói vật phạm
- 4- Nói cảnh phạm
- 5- Tạo cảnh tự, tha.
- 6- Tự làm, xúi giục người làm
- 7- Tướng phạm đầu cuối
- 8- Nói phạm khinh trọng

9- Các bộ nhiếp nhau

10- Nói thu nhiếp ba nhóm.

Ban đầu giải thích tên, trước hết giải thích tên chung, nghĩa là một châu viên số. 2 lần 5 là 10, “Ba-la-di” Hán dịch dịch là Tha thắng xứ, lược có ba giải thích.

1. Đứng về pháp, nghĩa là Đệ tử Phật vì trì giới Phật gọi là Tự. Chẳng hủy giới Phật là Tha, nếu chuyên tinh không phạm thì Tự thắng Tha. Nếu phá căn bản của giới Tha thắng Tự. Lấy giới làm học xứ, trì phạm y theo đó nên gọi là Xứ.

2. Đứng về nghiệp, nghiệp ma là Tha.

3. Nói về báo, rơi vào chỗ bất như ý là Tha, đều nên biết. Đây là từ nghĩa số để rõ tên tức dùng số để giải thích.

- Tên khác như giải thích sau đây.

- Nói về nhân phạm, nghĩa là phạm mười giới trọng này đều là nhân ba độc. Trong đó có hai:

a) Y cứ vào tướng thô

b) Y cứ vào tế để giải thích.

1) Trong mười giới này, sát, hủy và sân phạm ba nhân này do sân mà phạm. Thế nên chế giới này để ngừa sân. Trong đây y cứ vào ba nghiệp động để chia làm ba đó là Thân, ngữ, ý theo thứ lớp nên biết. Còn trong ngoài chia làm hai:

Hai thứ đầu y cứ bên ngoài

2. Một thứ sau y cứ bên trong.

Sắc, thanh ngoài trong chia ra khác nhau. Còn trộm, dâm và xan ba nhân này phạm tham. Nhưng hai thô đầu, sau hiện một tế, còn đứng về tài sắc thì chia làm hai:

1. Trộm cắp, san tham đều tham của cải người khác. Tự, Tha, nghĩa là trộm thì mong tiền của người khác. San tham thì mong vật của mình. Còn trộm thì mong cái chưa được, san thì mong cái đã được. Vì sao tài vật chia làm hai, còn sắc không chia? Vì của chấp nhận nuôi chứa đúng như pháp. Mong đã được chưa được chia làm hai: Sắc không chung với nghĩa súc nên chỉ một cấm đoán. Còn có của ăn trộm và thí nên được chia làm hai: Sắc không thí cho cùng nghĩa nên càng không chia làm hai. Còn nói dối, uống rượu và hủy báng thì phạm ba nhân si này. Đối với uống rượu chỉ là nhân si. Nói dối, hủy báng là quả si. Trong quả vọng từ tà kiến, vọng thân mình không chứng thánh mà nói chứng Thánh. Báng từ tà kiến vọng thấy Tam bảo khác thật thánh nói chẳng phải Thánh. Nên chia thành hai: Quả si đã hiển bày rõ ràng.

Đứng về cảnh lại chia làm hai: Dụng của nhân si còn ẩn, đứng về sự chỉ lập một. Lại nói: Quả chung ba độc, nên biết đây tức là điều phục ba độc, lập mười giới này.

2. “Đứng về tế phân biệt” là trong mười giới này, mỗi giới đều không phạm ba độc

- Trong sân có khi do tham si kia đưa đến nên cũng được có ba, cho nên đều khiến được ba độc nên gọi là Tỳ-ni, Hán dịch là Điều phục

3. Nói phạm đủ gọi là ba nghiệp. Trong mười giới này, ba cấp đầu và rượu đều y thân phạm, nên Luận Trí Độ, quyển 13 chép: “Rượu và ba giới trước đều là giới của thân. Nay ở đây giải thích có bốn nghĩa:

1- Đứng về tự tha, ba giới đầu thành tự hại, một giới sau tha hại. Dùng được rượu rồi mới thành tội trọng.

2- Đứng về y chánh có ba câu:

a) Trộm tức là y báo.

b) Sát, dâm, vọng tức là chánh báo.

c) Rượu chung cho cả y và chánh báo

Cho là uống rượu và mua bán rượu không được nuôi chứa cũng được xếp vào chánh báo.

3- Đứng về trái thuận cũng có ba câu:

a) Sát, đạo, vọng trái tình. Dâm phạm thuận mê tình. Mua bán rượu chung cho cả trái, thuận. Vì thường mê tình nên thuận. Chọn lấy ngay thẳng cho nên trái.

4- Đứng về nhân quả.

Hai câu đầu hao tổn tiền của đoạn mạng. Trong quả khổ cùng cực nên đều thành tội trọng. Sau dâm, uống rượu, thuận với mê. Nhân khổ cùng cực nên đều thành tội nặng. Cho nên người xưa dạy rằng: Dâm là gốc sinh tử, rượu là nguồn họa hoạn. Trong luật, hai giới này không lập cảnh tương nghĩa tồn ở đây. Còn nói dối là hủy báng. Bốn giới này là phạm ngữ nghiệp, tức là nói bốn lỗi.

1. Nói dối.

2. Nói chia rẽ, vì nói dối làm cho xa lìa

3. Ác khẩu,

4. Dùng lời chê bai, độc hại.

- Giải thích:

Lỗi trái cảnh

Lỗi trái lời dạy. Nghĩa là chỗ khác rao lỗi

Hai là hiện tiền khen chê

Một lỗi sau trái với lý.

Điều có thể biết còn 2 giới san tham là phạm ý nghiệp. Trong đây vì sao sân theo tên tự tánh san tham mà nói. Nghĩa là sân chướng ngại lòng từ bi trái hành trở ngại tội trọng. Tham có chỗ cho là có thuận lòng thương xót, cho nên đứng về san trái với lòng từ bi cứu giúp mà nói. Nếu nói kỹ mười giới. Mỗi giới đều có ba nghiệp thành phạm, dùng dẫn dắt lẫn nhau như văn giải thích ở dưới nói, cũng nằm dưới ba nghiệp gọi là Điều phục.

- Nói về cảnh phạm khác nhau, có bốn:

1) Đứng về cảnh tình phi tình, nghĩa là chín giới trước hoàn toàn và giới thứ mười một chút phần là đứng về tình cảnh phạm, vì Phật bảo và Tăng bảo cũng xếp về tình. Dâm và sân mỗi thứ đều có một nghĩa, và phần ít thứ mười y cứ vào phi tình mà phạm. Vì chê bai pháp bảo, dâm thi, sân khối đều đồng phạm.

2. Đứng về cảnh hơn kém: nghĩa là nói chê bai hai giới hạn cuộc phạm thắng cảnh. Vì muốn nói các lỗi của Bồ tát học và chê bai Tam Bảo thành phạm. Giới mua bán rượu chỉ phạm cảnh kém yếu vì các thắng vị của bậc Thánh không uống rượu. (609) 7 giới khác có chung cả hai vị, vì đều có nghĩa phạm.

3. Y cứ vào cảnh nhân quả. Nghĩa là giới chê bai chút phần chỉ là của cảnh phạm. Vì trừ tăng bảo. Nhân khác cảnh phạm.

4. Đứng về phạm thánh cảnh phạm.

Trong phần thứ mười Phật bảo hạn cục ở thánh

Thứ năm hoàn toàn hạn cục ở phạm. Vì thánh không uống rượu, không thể đổi thành việc mua bán. Chỗ còn lại chung cho cả thánh phạm. Trong phạm chung cho cả bốn cõi, trừ địa ngục. Vì khổ báo kia không thể đổi, có chỗ chung cho cả năm. Vì quý v.v..... trì giới cũng đối với kia mà thú hưởng. Trong bậc thánh quả Nhị thừa hưởng về 10 Thánh Đại Thừa, 6 vị nhân quả, nói chung đều thành cảnh phạm.

Hỏi: Đối với thánh tha tâm có thành lừa dối hay không?

Đáp: Chỉ cần đối cảnh nói rõ ràng thì thành phạm, bất luận đối tượng tin hay không.

Còn đối với Thánh nói dối lý nặng hơn nói dối phạm. Chẳng lẽ không phạm hay sao? Lại giải thích trong cảnh lược có mười cảnh. Nghĩa là năm cõi sinh là năm. Luôn cả y báo chẳng phải tình là sáu. Còn Nhị thừa Phật pháp có bốn nên có mười. Trong mười giới chỉ có sân là chung cho mười cảnh. Vì ở loài phi tình, lấy vật không có chủ thì không phạm. Trộm vật của pháp thành nên thành trộm pháp. Dâm chung cho cả tám cảnh, trừ Phật pháp, lấy thân phi tình chết cũng thành phạm

nên không trừ. Sau cũng chung cho cả tám cảnh, trừ pháp và phi tình vì không cầu xin nên cảnh khác đều thành cảnh phạm sát. Vọng nói chê bai bốn thứ này chung cho cả bảy. Trừ Phật pháp phi tình. Lý do nên biết. Mua bán rượu chung cho năm cõi, trừ những chỗ khác. Chê bai Tam bảo, cũng trừ những chỗ khác. Lý do đều nên biết.

- **Tạo cảnh trong tự tha** có bốn thí dụ:

1. Tự tạo tha cảnh
2. Tha tạo tự cảnh
3. Tự tạo tự cảnh
4. Tha tạo tha cảnh.

Mười nên phối hợp giới với nó. Và thí dụ thứ một đủ mười thành phạm, nên biết. Hai thí dụ chỉ có một phạm. Nghĩa là giới dâm có phạm chỗ khác không phạm, nên biết Trong mười dụ chỉ có bốn dụ phạm, nghĩa là: Sát, dâm, san, sân. Vì Bồ-tát lý ra không bỏ sinh tử làm vật thọ thân, mà lại nhóm chán thân mà tự sát nên cũng mắc tội. Còn vì ý dâm tự thương thân mình. Và như trong luật, trẻ già tự dâm v.v.... “Kinh Thiện Sinh” chép: “Tự thí không thành thí. Tự san không thành xan. Còn như có một chút không vừa ý đấm ngực tự sân, cho nên bốn thứ này chung cho cả tự làm cảnh. Thí dụ thứ 4, trong 10 giới tất cả đều phạm nghĩa là dạy người thù hờn về cảnh khác tự phạm

- **Tự làm dạy người**, có bốn câu:

1. Tự làm không xúi giục người khác
2. Xúi người làm, không tự làm
3. Vừa tự làm, vừa dạy người làm.
4. Chẳng phải tự làm chẳng phải xúi người làm.

Hai câu đầu có thể biết. Trong câu ba có hai ý:

a) Như phạm dâm, dạy người khác y theo mình. Một lần phạm mắc hai tội. Nếu y theo ngủ quên hoặc bị kẻ thù ép buộc, thì không có nghĩa là xúi giục người

b) Xúi người khác và tự làm thì phạm riêng hai tội.

Thấy làm vui theo và khen ngợi làm. Tuy chẳng phải tự làm, cũng không xúi người làm, nhưng cũng là phạm. Cho nên bốn thứ này phạm khắp mười giới đều kết tội trọng.

- **Tướng phạm đầu cuối**, có ba thí dụ:

1. Thỉ
2. Chung
3. Cứ trung

Trong đây, phạm dâm y cứ vào (Thỉ), vào bằng đầu sợi lông thì

kết tội phạm. Không đợi ra tinh và vui. Sát phạm y cứ vào chung. Phải là mạng chấm dứt mới kết thúc. Còn về cứ trung như ăn trộm rời chỗ cũ tuy đã thành phạm còn chưa được dùng. Giới khác nên y cứ theo đây mà biết. San, sân cũng phạm vào chỗ ban đầu. Vì khởi niệm liền phạm

- Môn khinh trọng có 2: Trước hết phân biệt chung, sau nói riêng.

a) “Giải thích chung về mười giới khinh trọng” là mười giới này có mấy nghiệp đạo trọng? Có năm nghĩa là ban đầu có 4 và 10, có chương đạo trọng có ba nghĩa là hủy báng, san và sân. Mấy tội trọng cũng tiểu khinh có hai nghĩa là nói mua bán. Lại chia làm ba:

1. Trong bốn giới trước sát nhân, ăn trộm đủ năm tiền cho đến nói dối nghiêm trọng thừa là nặng nhất

2. Bốn giới sau hoàn toàn là tội trọng:

3. Giới 5 và 6 hoàn toàn và 4 giới đầu là ít phần. Nghĩa là y cứ theo phi nhân, phá ngũ, phi đạo tiểu vọng nhưng thứ này phải tiểu khinh. Còn năm giới trước vơi lấy thêm nhiều chê bai. Năm giới sau phải là ít. Còn mua bán chỉ đứng về Già (ngăn), giới khác chung cho Tánh và Già, có nghĩa mười giới đều có cả hai tội.

Nếu nói riêng thì trong mỗi giới đều có khinh trọng. Đến văn dưới đây sẽ phân biệt điều đó.

- **Nhiếp các môn** có bốn:

1) Đứng về mười ác, trong đó hiển bày mười giới. Ý chê bai là phần tà kiến. Chê bai là từ ngữ, ác khẩu. Rượu là nhân si. Chê bai là quả si, “chỗ khác” như chín giới khác nên biết

2) Theo Kinh Bồ-tát Thiện Giới thể. Bồ-tát Xuất gia có tám giới trọng, tức 4 giới đầu và 4 giới sau của kinh này. Vì Bồ-tát xuất gia trước hết phải thọ giới Thanh văn đủ như bốn giới trọng ở trước, sau khi thọ giới Bồ-tát lại thêm bốn giới sau.

3) Theo Kinh Thiện Sinh, Bồ-tát tại gia có sáu loại: tức là sáu giới ban đầu của kinh này.

4) Theo Du-già Địa Trì có bốn trọng, tức là bốn giới sau của kinh này. Còn bốn giới trọng của Tiểu thừa tức là giới trước của kinh này, cho nên giới này phần nhiều chung cho cả đạo tục ghi chép đầy đủ Đại Tiểu Thừa nên có 10 giới mà thôi.

- **Nhiếp ba nhóm giới**, có hai nghĩa:

1- Nếu nói theo sự cao quý thì mười giới đây chính là thuộc về Luật Nghi, vì đều dứt việc ác.

2- Thuộc về Bất phạm luật nghi giới. Tụ giới đó đối trị thực hành

mười tội ác. Nhiếp pháp lành nghĩa là:

1. Hạnh Từ bi
2. Hạnh Thiểu dục
3. Hạnh Tịnh phạm
4. Hạnh Đế ngữ
5. Hạnh Thị minh tuệ
6. Hạnh Hộ pháp
7. Hạnh Tức ác suy thiện
8. Hạnh Tài pháp cầu thi
9. Hạnh Nhẫn nhục
10. Hạnh Tán phạm bảo

Hai giới này dạy chúng sinh khác như mình đã làm tức là giới Nhiếp chúng sinh. Cho nên mười giới mỗi giới đều có ba nhóm giới. Nghĩa khác nên biết.

- Giải thích văn là giải thích riêng mười giới trọng, tức là mười đoạn. Vì sao gọi là mười? như nữa bài tụng nói rằng: “Sát, đạo, dâm, vọng, tửu”, nói hủy, san, sân báng.

I. GIỚI KHÔNG SÁT SINH.

Giải thích giới này lược thành 10 môn:

1. Chế ý
2. Thứ lớp
3. Thích danh
4. Cụ duyên
5. Thiếu duyên
6. Khinh trọng
7. Được báo
8. Thông bít
9. Đối trị
10. Thích văn

1) Chế ý: Lược có mười ý:

1- Do đoạn sinh mạng nghiệp đạo trọng, phụ vào nghiệp nặng này không có khả năng nhập đạo, cho nên Đại thừa, Tiểu Thừa, đạo tục các giới đều đồng chế.

2- Phạm giới này tổn hại tâm Đại bi. Du-già chép: “Nếu có người hỏi rằng”: Bồ-tát lấy gì làm thể, phải đáp rằng: lấy Đại bi làm thể, còn phải vì chúng sinh mà xả bỏ thân mạng, huống gì lạm hại mạng họ.

3- Trái với ân nuôi dưỡng. Văn sau nói rằng: “chúng sinh trong sáu dưỡng đều là cha mẹ ta, đời đời kiếp kiếp ta đều từ cha mẹ mà sinh ra, đâu nên giết hại.

4- Trái với duyên tốt. Luận Trí Độ chép: Những đàn kiến kia có thể thành Phật trước mình, mình sẽ nhờ nó cứu độ. Việc ấy đâu biết được. Nếu hại mạng nó thì không có duyên với nó, không được nó cứu giúp”.

5- Đều có Phật tánh, đều là pháp khí đương lai, như Bồ-tát Bất Khinh cung kính chúng sinh. Bất kính còn không được, lẽ nào cho làm hại chúng sinh?

6- Trái phạm lỗi Bồ-tát vô úy thí. Kinh chép:”Cho nên giữ giới sát, là ban cho chúng sinh sự vô úy. Kinh Niết-bàn phẩm Như Lai Thọ Mạng không có hạn lượng đều nhờ bất sát.

7. Trái với bốn hạnh Nhiếp. Luận chép:” Trong hai thứ lợi của Bồ-tát thì lợi tha là nhất. Nếu có hại chúng sinh thì pháp thí không có chỗ giáo hoá.”

8- Tổn hại của báu. “Luận Trí Độ” chép: Dù cho châu báu vô giá đầy khắp Diêm-Phù-Đề cũng không có thể trị giá được thân mạng. Cho nên cắt đứt mạng căn kia cũng (610) như mắc tội trộm vật báu. “Kinh Niết-bàn lại chép:

*Tất cả sợ dao gậy
Đều yêu tiếc thân mạng
Cứ lấy mình làm dụ.
Chớ giết chớ đánh đập.*

9- Vì báo ân, nghĩa là Bồ-tát đại hạnh theo chúng sinh còn nghĩ việc báo ân, đâu cho phép gây hại.

10- Pháp nhĩ: Chư Phật ba đời gia nghiệp “pháp nhĩ” không nghĩ đến việc thêm lợi ích của chúng sinh.

2) Thứ lớp. Giới tương nhiều như cát bụi, nhiễm ô vô biên, vì sao lại phân biệt giới bất sát này trước tiên?

1. Bồ-tát muôn hạnh đều lấy tâm đại bi làm gốc, vì để giữ hạnh gốc nên Phật đặt ra giới này trước tiên.

2. Hữu tình xem trọng nên đều lấy thân hình, mạng sống làm đều, vì cứu mạng sinh vật làm trước. Nếu thế, vì sao giới Thanh văn khác với giới này? Nghĩa chỗ này là vì hạnh cứu độ chúng sinh là trước hết. Họ lấy tự hành làm trước. Giải thích. Thanh văn phạm tội rồi Phật mới chế, giới dâm phạm đầu tiên nên chế giới bất sát trước.

“Luật Tăng-kỳ” chép: “Phật thành đạo năm năm mới chế giới bất dâm. Năm thứ sáu chế bất dâm và sát. Bồ-tát thì không như vậy. Đứng về mười nghiệp đạo đây là đầu tiên. Nhưng giới bản Ba đời chẳng phải mới đặt ra.

3) Giải thích tên gọi: Gió hơi thở gọi là sự sống, dựa vào thân tâm mà chuyển. Cắt đứt không nối nhau gọi là sát sinh, giới có công năng làm việc đối trị. Từ chỗ đối trị đặt tên gọi là giới bất sát. “Kinh Niết-bàn” chép: “Phật tánh của Chúng sinh trụ trong năm ấm”. Nếu hoại năm ấm gọi là sát sinh. Nếu có sát sinh thì rơi vào đường ác. Tức có ba thứ quá khứ, hiện tại thì không thể Sát. Ngăn vị lai nên gọi là Sát. Và lại chúng sinh gọi là hơi thở ra vào, cắt đứt hơi thở ra vào nên gọi là Sát. Chư Phật cũng tùy theo thế tục gọi là Sát.

Hỏi: Hơi thở chấm dứt gọi là Sát. Nhập định Diệt tận há không phải là chết sao?

Đáp: Vì sau đó thở trở lại, cho nên chẳng gọi là cắt đứt.

Hỏi: Hơi thở này dứt sau hơi thở sinh, chẳng phải sát hay sao?

Đáp: Vì mạng căn dứt không thể thí dụ như Diệt định.

Hỏi: Sát sinh đã như vậy, theo duyên phải không tự tánh, không tự tánh thì phải không có tội

Đáp: Có tự tánh mắc tội. Còn không tự tánh mắc báo, tất cả các pháp đều như vậy.

Hỏi: Đã tự tâm biến ra chúng sinh, còn tự sát thì không thật có chúng sinh chết. Vì sao có tội?

Đáp: Còn tự tâm biến ra tội. Như chúng sinh đến đời, chịu tội nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Biết sát sinh là tánh không, Sát sinh phải vô tội.

Đáp: Không là tội trị. Biết không thì không sát, ắt chẳng rõ không. Nên cũng có tội. Nếu nói không tội mà làm việc sát. Vì tà kiến nên tội phải nặng hơn tội khác, làm sao nói là vô tội được.

4) Cụ duyên, có hai:

Chung

Riêng

Chung có ba:

a) Người thọ giới Bồ-tát, vì không thọ giới nên không phạm. Kinh nói rằng: “Có phạm gọi là Bồ-tát, không phạm gọi là ngoại đạo.

b) Tánh tự tánh, nghĩa là chẳng phải điên cuồng. Vì nó không

phạm.

c) Không khai duyên, nghĩa là cứu độ chúng sinh chịu khổ vô gián. Đây là thông các giới.

3. Duyên riêng.

Theo Luận Du-già Sư Địa có năm duyên:

1- Tha thân, phân biệt với tự.

2- Chúng sinh, phân biệt với các căn cơ vậy.

3- Tưởng là chúng sinh, vì phân biệt với mê tâm

4- Khởi tâm hại, phân biệt với ý vô sát hại.

5- Chánh đang hại, phân biệt với chưa hại: Theo Luận Đối Pháp

cũng có năm duyên:

1) Sự nghĩa là số Hữu tình

2) Ý lạc, nghĩa là khởi tưởng này và phải có ý hại.

3) Phương tiện, nghĩa là hại nên dùng dao gậy.

4) Phiền não, nghĩa là tham, sân, si.

5) Rốt ráo: nghĩa là hữu tình đó do phương tiện, hoặc vô gián tử, hoặc hậu thời tử. Cả hai hợp lại nói chung đủ bảy duyên:

1- Tha thân

2- Chúng sinh

3- Tưởng là chúng sinh

4- Có tâm sát

5- Dùng dao gậy

6- Có ba độc

7- CẮT đứt mạng sống chúng sinh

Duyên chung trong đây có mười thứ nên biết:

5) *Thiếu duyên:*

Thiếu duyên chung nên biết. Trong riêng, nếu thiếu duyên đầu thì có ba nghĩa:

1. Phải mắc tội khinh cấu, nghĩa là vì tâm ác tự giết thân mình,

2. Phải mắc tội khinh cấu, nghĩa là vì tâm lành nhằm chán thân nên tự sát, đây là trái với hạnh Bồ-tát. Kinh chép: “Nói thân vô thường nhưng không khen ngợi nhằm chán thân. Trong đây có nghĩ trước có sân, nên sáu duyên khác đều đủ.

3. Được phước thánh trí, nghĩa là vì pháp diệt thân. Vì chúng sinh xả mạng như Vương tử Tát-đỏa. Nếu không xả thì mắc tội. Trong đó chẳng phải không có ba độc. Cũng cùng với trí hòa hợp nên thành trì, cũng là thiếu duyên đầu và duyên thứ 6.

Thiếu duyên thứ 2, có hai thứ khác nhau:

1. Nếu các đường khác nhau đều mắc tội trọng vì bảy duyên không thiếu.

2. Phi tình đến thay thế, có hai tội:

a) Loài hoàn toàn không phân biệt là phi tình, đứng về tâm nên mắc tội nặng phương tiện, Như Luận Duy Thức chép: “Ban đêm đập nhằm vỏ dừa chết vào đường ác. Đây chỉ là cảnh thiếu mắc tội nặng phương tiện.

2. Nếu sau đó biết là phi tình, trái với trước suy nghĩ, được trung phương tiện. Nếu thiếu duyên mắc ba tội này. Như trên ba vị gồm khởi tâm nghi cũng mắc ba tội. Nghĩa là nếu ở vị ban đầu muốn sát sinh có người đến thế, đối với việc đó sinh nghi, chẳng biết là súc sinh hay là người, mà cắt đứt mạng sống họ, thì tuy cảnh đổi tâm dời, mạng đồng hại cũng đều trọng. Nếu ở vị kế mà muốn sát sinh, có cơ đến thế, đời sau sinh nghi, chẳng biết là sinh hay là cơ. Hại mình suốt đời không quyết định. Vì thiếu chút tâm nên mắc tội nặng phương tiện. Nếu ở vị sau muốn sát sinh. Cơ thế sau sinh nghi. Sau khi hại biết cơ thì mắc tội nhẹ phương tiện

Hỏi: Trong đây thiếu tâm và hậu vị, thiếu cảnh cùng tiền vị. Mỗi thứ vì sao lại khác nhau?

Đáp: Ở đây cảnh khác khởi nghi nên không đồng với ban đầu. Vì kia mà khởi tưởng này. Nghi đang ở trong cảnh khác nên chẳng đồng với nhau. Vì kia ở cảnh này sinh nghi

Hỏi: Vì sao trong thiếu điều đó lại nghi là phi tướng

Đáp: Vì tướng không có thiếu cả hai. Như muốn sát sinh cơ đời sau, đây là thiếu cảnh. Đối với việc đó khởi tưởng đây là thiếu tâm. Nếu hại thì không tội. Cho nên tướng thiếu cả hai. Trong nghi trái với sự mong này nên thiếu cảnh, có tâm do dự nên thiếu tâm. Cho nên đơn và song thiếu mỗi duyên đều có ba, hợp lại thành sáu.

Thiếu duyên thứ ba có tướng và nghi khác nhau. Trong tướng có bốn:

1. Nếu vốn mê sinh là cơ hại mình không tội. Vì ba tâm đều thiếu.

2. Nếu vốn muốn sát sinh vào đến cảnh chuyển thành cơ tướng. Hại rồi không biết mắc tội phương tiện vì không rõ, thiếu giữa và sau. Đứng về tiền phương tiện kết một tội nhẹ phương tiện

3. Nếu hại mình rồi biết rõ khởi tâm vui mừng thì kết tội nặng phương tiện. Vì thiếu chính giữa, đủ trước, sau.

4. Nếu đối với người khởi tưởng là súc sinh. Mê này chuyển tưởng đều nặng. Trong nghi có hai:

1- Trong cảnh này nghi khởi có ba:

- a) Nghi sinh là cơ, suốt đời không quyết tội phương tiện
- b) Sau biết rõ ràng, vui mừng, phạm tội nhẹ phương tiện
- c) Nghi là súc sinh là người đều phạm tội nặng phương tiện.

- Thiếu duyên thứ tư, có bốn:

1) Hoàn toàn không phạm.

2) Lia tâm bất sát sinh mà có các cơ đánh, nên mắc tội khinh cấu.

Thiếu duyên thứ năm mắc tội nặng phương tiện. Vì tuy không khở phương tiện mà có tâm sát sinh.

Thiếu duyên thứ sáu, có hai:

1. Dùng tâm vô ký sát vẫn mắc tội nặng.

2. Không tham da thịt nên sát, cũng không sân hận thù oán nên sát. Không si thờ cúng nên sát. Nhưng vì tâm Đại bi cứu khổ không tránh được tội khổ nên cũng không phạm. Đây là giải thích theo Du-già.

Thiếu duyên thứ bảy, có hai:

Rốt ráo không biết không phạm, phạm tội nặng phương tiện.

Biết không phạm, được trung phương tiện.

6) Khinh trọng: có hai:

- Thô

- Tế

Trong thô có ba:

Y cứ vào chúng sinh bị giết.

Y cứ vào người có tâm giết.

Cách thức giết.

Các loài chúng sinh bị giết tuy không bờ bến, cõi này gồm có bảy, nghĩa là sáu đường và bậc thánh, nhưng đứng về khinh trọng có bốn:

1. Y cứ vào sinh, cắt đứt mạng sống tất cả

Hỏi: Vì sao có giết chúng sinh địa ngục,

Đáp: Bồ-tát cũng có đạo chơi trong đó cứu giúp chúng sinh, cho nên đối với họ cũng có bất sát. Huống gì có Bồ-tát ở trong địa ngục mở lòng từ bi, thành tựu sơ tâm.

2. Y cứ về báo, nghĩa là người trọng, súc sinh khinh, vì người ở trong hai Thừa Đại và Tiểu kia chung đạo khí.

3. Đứng về đức, nghĩa là giết hại người phát tâm Bồ-đề thì nghiệp

đạo thêm nặng, bất luận là người hay súc sinh. Nên kinh nói rằng: “Giết súc sinh phát tâm Bồ-đề, tội nặng hơn giết người tà kiến.

4. Đứng về tội nghịch, nghĩa là trong bảy tội nghịch của văn dười đây, trừ tội phá tăng. Vì không mạng có tôn chỉ nghịch không còn gì khác. Làm thân Phật ra máu là tội nghịch và tội nặng phước tiện. Vì không thể giết nên chẳng khác. Năm vị còn lại đều mắc hai tội nặng, đó là Nghịch và Di. Trong đó cha mẹ và hai thầy đều mắc ba tội:

1- Di

2- Nghịch, nghĩa là bốn người này có người đắc quả A-la-hán:

1. Giết cha mẹ

2. Giết La-hán

3. Cắt đứt mạng sống chúng sinh nên mắc ba tội. “Kinh Niết-bàn” chép: “Một là giết phụ vương. Hai giết Tu-đà-hoàn.”. Nếu theo “Luận Câu-Xá” chỉ mắc một tội Vô gián vì y chỉ một.

Đứng về tâm nói khinh trọng, nhưng trong một niệm sát sinh tuy nhiều nhưng không quá ba tánh. Thiện ác vô ký tức là ba phẩm. Trong thiện, ác, vô ký trở xuống v.v..... hoặc không báo, Trong đó hai:

1. Phân biệt.

2. Xen lẫn.

Trong tội ác trước, ba độc dẫn dắt nhau thành bảy nghiệp. Cũng có ba phẩm. Nghĩa là ba đơn khinh, ba song kế một hợp thành trọng. Trong đơn cũng có ba: tham hạ, sân thứ, si trọng. Vì sao? Vì cơ hoang bên ngoài đến, lửa tham bên trong thiêu đốt. Tuy rõ nghiệp đạo nhưng không thể tự chế. Tham da thịt kia để tự giúp thân mình, biến đoạn mạng kia nên chẳng phải cực nặng.

2. Tuy cũng hiểu biết nhân quả, nhưng tức giận khó chế phục, bèn sân đoạn mạng, đạo còn hơn trước. Nên là thứ hai.

3. Không tin nhân quả, cho rằng vô tội có đức. Buông lòng sát sinh lại xúi giục người giết. Luận Tỳ-Bà-Sa chép: “Hổ báo, lang sói, rắn rít làm tổn hại, giết nó vô tội. Cha mẹ già yếu và bệnh tật, nếu có thể giết thì được phước vô lượng. Còn sát sinh để cúng trời là phước đức. Còn sát chấp sát sinh có phước vô tội. Như vị tiên Bà-tẩu nhiều kiếp chịu khổ. Cho nên si rất nặng. Kinh Thiện Sinh chép: “Tâm tham, sát sinh, sân, tội nhẹ. Còn si nhân rất nặng. Kinh Kinh Thiện Sinh chép: tâm Tham sát sinh, tâm sân nhẹ, kế đến tâm si là nặng.

1. Hợp thành đẳng phần là thượng thượng. Đây là y cứ vào phần nghiệp đạo khinh trọng. Nếu y cứ vào phần trái với giáo thì đều phạm tội nặng.

2. Tâm lành là có tâm lành mà sát sinh, như thấy người bệnh lâu rất khổ, chúng sinh không chịu nổi khổ đó. Bèn dùng lòng từ cắt đứt mạng căn kia. Lại như trong luật, Tỳ-kheo lại phạm tỳ kheo tử tội, nói xin cho tôi một dao. Đây đều là nghiệp đạo khinh, đều phạm tội trọng.

3. Tâm vô ký, hoặc không thành phạm. Vì vô ký không thành nghiệp, hoặc cũng có nghiệp, vẫn mắc quả báo. Như Tỳ-kheo ở núi xô đá giết kiến, kiến thọ thân heo cũng vẫn xô đá giết hại Tỳ-kheo kia. Đây là tâm vô ký âm thầm chịu báo. Đây là ở giới tuy không phạm. Nhưng nghiệp sát như thế không dứt nên chẳng thể tội khinh. Đời có người ngu uống dùng nước có trùng nói rằng:

“Tôi chỉ dùng nước vốn không hại trùng, trùng tự chết chắc chắn chẳng phải lỗi của tôi. Đây là không biết nghiệp đạo, chẳng thấy thánh giáo, rất là đáng thương.

1. Ngu

2: Lẫn lộn phân biệt cũng có bảy:

Y cứ vào tâm ba thời, nghĩa là sắp làm, đang làm và đã làm, đây là tâm tánh trong ba thời khởi nên nghiệp có nặng nhẹ. Nghĩa là trong ba thời:

1/Ác 2/. Vô ký khinh; 1/. Ác.2/. Thiện thứ; 1/. Thiện 2/. ác nặng. Lại 1/ Thiện, 2/ điều vô ký khinh; 1/ Vô ký, 2/ Thiện; 1/ Vô ký, 2/ Ác nặng. Lại cả ba đều ác nặng đều thiện thứ, đều là vô ký khinh, như trên đã giải thích riêng

2- Y cứ vào tâm sát 3 thời đều thiếu. Thiếu hai tâm khinh. Thiếu một tâm thứ. Đủ ba trọng, ba trọng này chung cho môn tánh biệt ở trên. Trong tâm đều có ba thứ này. Tùy theo khinh trọng nên biết.

3- Dùng cách sát khinh trọng có hai:

1) Y cứ vào ba nghiệp

2) Y cứ vào khổ não.

Ban đầu là ba nghiệp đơn, song đều có bảy,

Ba đơn là:

1. Thân nghiệp sát. Trong nói thêm dao gậy hoặc thân hiện tướng khiến sợ hãi rơi xuống chỗ hiểm hóc, hoặc thị hiện tướng dạy người thành giết, hoặc viết thư xúi giết, hoặc đào hầm hố, giăng lưới, bắn tên thuốc độc, đưa dụng cụ giết, dưới nước trên cạn, hư không, có người đến chết, phạm tội khinh nên biết

Ngữ sát: hoặc dùng lời khuyên nhàm chán thân mà chết, hoặc dạy người khiến chết, hoặc chú đất, hoặc quát tháo khiến chết. Trong lời

giết này, ban đầu là khinh, sau giữa là trọng.

Ý sát, như 20 vị tiên trong Luận Duy Thức, vị tiên sân, giết đồng loạt chúng sinh chết, cho đến cây cỏ cũng chết theo. Cho nên biết rằng:” Ý là quan trọng nhất. Trong đây ngữ ý đồng là thân nghiệp. “Nhị song” là đầy đủ thân sát ngữ sát, nghĩa là thân thêm lời chú là khinh, hoặc đầy đủ thân sát ý sát là thứ. Hoặc nói ngữ sát ý sát là trọng.

1. Nặng nhất

2. Đứng về khổ não. Nghĩa là từng phần cắt thân khiến lâu ngày mạng chấm dứt. Khổ não này phần nhiều tâm oán đã sâu nên tội nặng. Trái lại là khinh. Còn về có ân vô ân, có lỗi hay vô lỗi đều có khinh trọng nên biết.

2. Giải thích kỹ: Nhưng nghiệp đạokhinh trọng sâu kín này. Đứng về cảnh mà khai tâm, nên y cứ theo thiện ân mà thôi.

7. Được báo, có hai loại:

1- Đứng về phạm trái với lời dạy là già tội. Văn sau nói rằng: “Đọa vào ba đường ác trong hai kiếp ba kiếp.

2- Đứng về nghiệp đạo tánh tội. Theo Luận Thập Địa, Luận Đối Pháp thì được ba thứ quả.

1. Quả Dị thực, nghĩa là tùy theo ba đường ác.

2. Quả Đẳng lưu, nghĩa là trong đời sống con người nhiều bệnh chết yếu.

3. Quả Tăng thượng, nghĩa là chỗ cảm vật bên ngoài đều ít ơn trạch, không trụ lâu. Theo Kinh Ưu-Bà-Tắc Giới quyển 4 chép: “Vì sát sinh nên hiện tại mắc mầu ác, sức ác, tên ác, yếu mạng. Tài vật tổn giảm, quyến thuộc chia lìa, Hiền thánh quở trách, người không tin dụng, bị người khác gây (.....) tai ương cho, thế nên bị quả nghiệp ác hiện đời, bỏ thân này phải đọa địa ngục, chịu nhiều khổ não, đói khát mà sống lâu các việc mầu ác, sức ác, tên ác. Đó gọi là quả nghiệp ác đời sau. Nếu được thân người về sau chịu ác sắc, đoản mạng. Đây là một năng lực nhân duyên của người ác, khiến cho bên ngoài tất cả ngũ cốc, quả dưa đều giảm íy. Người này gieo tai ương khắp thiên hạ. Còn Luận Trí Độ quyển 13 chép: “Như Phật bảo Ưu-bà-tắc Nan-Đề-Ca: Sát sinh có mười tội:

(612) 1. Tâm thường độc ác, đời đời không dứt.

2. Chúng sinh ghét bỏ, mắt không muốn nhìn.

3. Thường có tâm ác, suy nghĩ việc ác

4. Chúng sinh sợ như thấy cọp, rắn.

5. Khi ngủ tâm sợ sệt, thức không an.
6. Thường gặp ác mộng
7. Khi chết điên cuồng sợ hãi, chết dữ
8. Các nhân duyên nghiệp chết yếu
9. Khi chết đọa vào địa ngục
10. Sinh ra làm người thường chết yếu.

8. Thông cuộc. Trong đó có hai: Trước thông, sau cục. Thông là hoặc có sát sinh mà không phạm giới, sinh ra nhiều công đức. Như “Du-già giới phẩm” chép: “Như Bồ-tát thấy trộm cắp, cướp bóc. Vì tham tiền nên muốn giết nhiều chúng sinh, lại muốn hại Đại đức, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, hoặc lại muốn gây ra nhiều nghiệp Vô gián. Thấy việc liền khởi tâm nghĩ rằng. Nếu ta giết được mạng của chúng sinh ác kia phải đọa địa ngục. Nếu không giết được người đó thì nghiệp Vô gián thành phải chịu khổ. Ta thà giết người đó rồi đọa vào nặng-lạc-ca, chứ không để cho người chịu khổ triền miên. Bồ-tát ý lạc tư duy như thế. Ở chúng sinh kia hoặc dùng tâm thiện, hoặc tâm vô ký biết việc này. Đã là đương lai nên rất sinh hổ thẹn. Vì tâm thương xót mà không giết người kia. Do nhân duyên đó đối với giới Bồ-tát hoàn toàn không trái phạm, sinh ra nhiều công đức. Còn Kinh Niết-bàn 12 cũng đồng với câu hỏi này, nên biết.

“Cuộc” có hai nghĩa:

1. Trái phạm: nghĩa thấy nguy ách không cứu, thấy người giết mình thì oán hận, không đem chút lòng từ bi cứu giúp khởi thuận tình, tất cả những trường hợp này đều phạm.

2. Thuận trì, nghĩa là nếu không thường khởi Đại bi ân trọng. Thân tâm nghĩ đem thân mạng thay chết thay khổ v.v..... Thường nghĩ không quên, không như thế liên phạm. Như thế v..v... nên biết.

9. Đối trị hành giả, có hai: Trước hết nói về khởi tâm, sau nói hành tướng ở trước. Như Kinh Thập Địa chép: “Bồ-tát này lại đối với tất cả chúng sinh sinh tâm an ổn, tâm an vui, tâm từ bi, tâm thương xót, tâm lợi ích, tâm che chở, tâm ngã, tâm thầy, tâm sống còn. Luận chép: Tập là y theo tâm từ bi tăng thượng, lại vì nhớ nghĩ chúng sinh nên sinh mười thứ tâm. lại nữa tâm này lấy tám thứ chúng sinh.

1. Đối với chúng sinh ác hạnh, muốn cho trụ trong thiện hạnh. Như Kinh nói An ổn tâm

2. Đối với chúng sinh muốn cho an vui bất tận.

3. Đối với chúng sinh không nghĩ đến báo thù, như Kinh Từ tâm.
4. Đối với chúng sinh nghèo cùng muốn cho họ xa lìa hẳn nỗi khổ kia. Như kinh nói bi tâm.
5. Đối với chúng sinh muốn cho họ không buông lung như kinh nói tâm thương xót.
6. Đối với chúng sinh ngoại đạo, muốn cho họ hiện tin Phật pháp. Như Kinh nói lợi ích tâm
7. Đối với chúng sinh đồng hành, giúp họ không lui sụt, như kinh nói tâm che chở.
8. Đối với tất cả nguyện nhiếp Bồ-đề, chúng sinh như thân mình, chúng sinh này như thân ta, như kinh nói ngã tâm “Sinh hai tâm khác” là quán chúng sinh thừa kia, tiến thú đạo Đại thừa chứa nhóm đầy đủ công đức, như kinh nói Sư tâm.

2 “Mỗi hành tướng” nói xưa nay Bồ-tát duyên theo hạnh chúng sinh, lược nêu 3, 5 lời. Như ngày xưa có hai vị Tỳ-kheo đến thăm viếng Phật, một vị chết dọc đường, một vị đến chỗ Phật. Phật hỏi người đó: “Bạn của thầy đâu?” Đáp: Bạch Đức Thế tôn, vì không uống nước có trùng bên đường nên thầy ấy đã chết, còn con vì sợ không được gặp Phật, bèn uống nước có trùng mà còn sống đến đây. Phật liền đưa cánh tay sắc vàng lên nói rằng: “Người không giữ giới gặp ta nào có ích gì? Người chết dọc đường đó đã đến đây trước, nghe pháp và đắc quả. Lại như Tỳ-kheo Nga Châu, hộ mạng chúng sinh không tiếc thân mạng, Bồ-tát Nai đầu đàn thay thế mạng nai mẹ, Nai đầu đàn dùng thân làm cầu để cứu độ cả bầy thú, cuối cùng nai đầu đàn tự vẫn v.v... Lại sự nữ Bồ-tát Nguyệt Thượng gặp lúc đói kém, thấy người phụ nữ mới sinh đói khát muốn ăn thịt con, Bồ-tát tự cắt vú mình cho người phụ nữ đó ăn để cứu mạng đứa bé kia. Bồ-tát Vương tử xả thân mạng mình để cứu cọp đói. Vua Thi-tỳ xả thân để cứu chim Bồ câu. Như thuyền đang đi trên biển bị thủng, mọi người chết sắp chìm. Bồ-tát Thương Chủ bảo mọi người hãy nín tóc ta v.v... nay ta nín hơi chết, thuyền sẽ trôi vô bờ để vớt mạng mọi người. Hạng người như thế ngày xưa rất nhiều, khiến chúng sinh học tập theo. Phải khéo suy nghĩ điều đó.

10. Giải thích văn, từ trong mười giới này, văn khác có ba.

- 1- Chế khiến dứt ác, tức giới Nhiếp luật nghi
- 2- Chế tu hạnh lành, tức giới Nhiếp thiện pháp. Hai thứ này đổi thành giới Nhiếp chúng sinh
- 3- Trái chế kết phạm, thị hiện tên tội.

Câu 1. “Phật tử”

Giải thích có chung có riêng. Trong phần chung có hai nghĩa:

Từ Phật pháp sinh, nghĩa là phát tâm Bồ-đề thọ giới Bồ-tát được pháp phần của Phật nên gọi là Phật tử. Như người từ cha mẹ sinh được một phần thân thể kia gọi là nhân tử. Đây thì Phật là năng sinh, Tử là sở sinh.

Tử nghĩa là nhân. Nghĩa là vi tu hạnh Phật sẽ sinh ra quả Phật gọi là Phật tử. Như hạt giống sinh ra quả. Đây tức tử là năng sinh, Phật là sở sinh, từ quả đặt tên. Hai từ này đều là Phật, nên thuộc về y chỉ thích. Vì sao như vậy? Vì nếu không từ Phật sinh thì không sao thành Phật được. Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Đều từ pháp thân này có ra, rồi trở lại chứng pháp thân này.

Trong phần “Riêng” có năm nghĩa như Nhiếp Luận chép:

*Phương tiện là cha
Bát-nhã là mẹ
Thiền định là thai
Từ bi là nuôi nấng.
Tin ưa Đại Thừa làm hạt giống*

Lại có 4 nghĩa như Luận Phật Tánh:

*Tịnh tín là hạt giống
Bát-nhã là mẹ Thiền
định là thai Từ bi là
nuôi nấng.*

Như kể đây tức là 4 vị Địa tiền, nên biết

Hỏi: chẳng hay Bồ-tát đến giai vị nào mới được gọi là Phật tử.

Đáp: Các thuyết thánh giáo có nhiều thứ:

1. Y cứ vào dứt công dụng không hành. Đồng tác dụng của Phật gọi là Phật tử. Như “Kinh Lăng-già” chép: Bồ-tát Bát địa gọi là Tối thắng tử.

2. Y cứ vào chứng đắc Phật pháp phân danh là Phật tử. Như Luận Phật Tánh nói Sơ địa gọi là Phật tử.

Y cứ vào Phật pháp Bất Thoái gọi là Phật tử, như Kinh Anh Lạc chép: “Thập Trụ được gọi là Phật tử.”

4. Y cứ vào Nhập Đại Thừa, phát Bồ-đề tâm thọ Bồ-tát giới, thì gọi là Phật tử. Như trong lời tựa của Luật Tứ Phần chép: Nay đây chung cho bốn thứ trước, các vị đồng trì giới này nên cũng chung cho năm vì nhiếp Tiểu khiến trở về, trong văn có hai ý:

1. Nêu lỗi

2. Chế đoạn

- Câu đầu có bốn:

1. Nói về giai vị năng sát
2. Tướng sát khác nhau
3. Việc sát đã làm
4. Giải thích về chúng sinh bị giết.

- Câu đầu có bốn cách sát:

1. Tự giết, rất dễ hiểu
2. Xúi giục người giết có hai nghĩa:
 - Xúi giục người khiến cho tự chết.
 - Xúi giục người khiến họ giết.

Hỏi: Tự giết hoặc xúi giục người giết nhưng chưa chết, tự thân trước khi chết, sau khi bị giết mới chết, chẳng biết có mắc tội nặng hay không?

Đáp: Nếu theo Tiểu thừa, không phạm Ba-la-di. Vì người đó chưa qua đời thành tội. Qua đời rồi về sau giới đã mất. Giới Bồ-tát đã sinh không mất nên vẫn mắc tội Ba-la-di.

Hỏi: Nếu xúi giục người sát sinh, người đó nhận lời rồi không giết. Người dạy có mắc tội không?

Đáp: Y cứ về tâm thì mắc tội nặng. Sau nếu biết không sát sinh mà tâm vui mắc tội khinh phương tiện, sinh sân phạm tội trọng phương tiện.

3. Phương tiện khen ngợi Sát cũng có hai nghĩa:

- 1- Khen ngợi người sát, có đức tốt.
- 2- Khen ngợi cách giết pháp có công năng.

Hai nghĩa này mọi nghĩa đều có hai:

- 1) Nhìn về chưa sát khen ngợi đức khiến sát
- 2) Nhìn về đã sát khen ngợi đức khiến vui, đều khéo léo xảo

dụ dỗ khen ngợi cái hay của việc sát, nên nói rằng phương tiện sát.

Giải thích: Như trong luật nói khen chết, khuyên chết cũng giống như vậy

4. Thấy giết vui theo cũng có hai:

- 1- Thấy nghe việc giết này đều sinh vui.
- 2- Thấy nghe người kia chết cũng đều sinh vui.

Hỏi: Ba vị trên đây khác nhau thế nào?

Đáp: có ba việc khác nhau:

1- Y cứ theo ba thời, nghĩa là ban đầu chưa y cứ vào dạy giết, sai giết.

2- Y cứ vào chánh giết, khen ngợi có đức. Sau y cứ vào đã sát sinh mà tùy hỷ.

Y cứ vào ba loại:

1- Y cứ vào người hạ vị liền sai sát.

2- Y cứ vào người trung vị tuy không thể sai giết nhưng phương tiện khen ngợi khiến thành sát.

3- Đứng về người thượng vị không thể đối khen nhưng thấy người kia giết lại sinh vui theo, đều mắc tội trọng, nên biết

2. Cho đến chú sát là nơi tướng giết khác nhau, nghĩa là việc mà bốn giai vị trên đã làm. Hoặc dùng dao chém, gậy đánh cho đến chú sát, dùng rất nhiều tướng chú sát rất ít có, nên nói rằng: “cho đến” Như chú vào loài rồng khiến nó chui vào cái vạc.

3. “Nhân sát” v.v..... trở xuống là nói việc giết đã làm, nhưng bốn việc giết này lược có bốn cách giải thích.

1- Y cứ vào làm, nghĩa là tự sát là nhân, dạy người là duyên, khen ngợi pháp kia, duyên theo nghiệp đó.

2- Y cứ vào người bị giết.

1) Sai cắt đứt mạng sống nên gọi là nhân sát.

2) Cướp thực làm dứt duyên sống, khiến cho chết nên gọi là duyên sát.

3) Dùng pháp thành trị. Như mua bán pháp quan, dùng pháp thành sát nên gọi là pháp sát.

4) Như các nhà giết mổ, săn bắn, thường làm nghiệp giết.

3. Y cứ vào đủ duyên

1- Tâm giết làm nhân, dao gậy làm duyên, tạo cõi phương tiện làm giết. Chánh cắt đứt mạng căn làm nghiệp. Bảy duyên nói trên thu nhiếp lẫn nhau, nên biết.

4. Y cứ vào hành, nghĩa là trong Luận Thập Địa gom thành ba ý:

1- Hữu có hai:

Nghĩa là lìa tham, ngoài lìa dao gậy, như thế trong đây lìa nhân lìa duyên.

2- Từ bi là đối trị lìa, là trong đây lìa pháp giết

3- não hại chúng sinh còn không, huống gì có giết, vì lìa quả hạnh, là trong đây lìa nghiệp giết.

Phán biệt trong đó giết chúng sinh, cho đến loài có mạng sống. Đây có hai nghĩa:

1) Rộng. Nghĩa là nhiếp chung tất cả bảy loại chúng sinh, nên nói là cho đến.

2) Hạp. Nghĩa là phân bệi với cỏ cây, nên nói “hữu mạng” Du-già chép: “Nghĩa là hơi ấm thọ mạng hòa hạp, hiện còn sống nên gọi là Mạng. “Không được cố giết”, nghĩa là không có nghĩa hại, nên nói không được giết, nhưng lầm với không phạm, nên lại nói rằng:

3) Thứ ba là Bồ-tát này trở xuống là nói chế tu thiện hạnh

Trong đó có hai:

- Chế khởi thắng tâm
- Chế làm việc cứu độ.

Trước nói là Bồ-tát, là nêu người trỉ giới. “Ứng khởi” là từ ngữ chế lệnh. “Thường trụ” có hai nghĩa:

1) Khởi lòng từ này, v.v... thường ở trong tâm không có lúc nào tạm thời quên, nên nói là Thường trụ. Trước tụ nối nhau, sau thuận với bất động. Lại trước là vô gián sau là thậm thâm. Dùng lòng từ bi sâu dày duyên chung với tất cả chúng sinh hạ vị. Nghĩa là cứu khổ ban vui. Lại dùng tâm hiếu sâu dày duyên riêng thượng vị cha mẹ, sư trưởng, để báo ân cúng dường. Giải thích: Duyên với chúng sinh ở ba giai vị khởi ba tâm này.

- 1- Đối với oán khởi tâm từ
- 2- Đối với khổ khởi tâm bi
- 3- Đối với thắng vị khởi tâm hiếu.

Giải thích: Gồm chung hai loại chúng sinh đều có ba tâm, vì tất cả chúng sinh đều là cha mẹ. Nếu theo Hoa Nghiêm, thì khởi mười tâm. Như trước đây đã nói trong trì hạnh.

2. Phương tiện cứu hộ. Y theo tâm khởi hạnh làm việc lợi ích, phương tiện có hai nghĩa:

1- Khéo léo muốn cho việc làm lợi ích thành tựu.

Khéo muốn làm lợi ích không kèm theo tội lỗi. Cứu hộ có năm nghĩa:

1) Đối với chúng sinh hạ vị làm việc cứu khổ, thuận với tâm từ bi ở trước. Đối với chúng sinh thượng vị làm việc hộ trì thuận với tâm hiếu ở trước

2) Đối với người khổ thì cứu họ khiến được giải thoát, người chưa bị khổ thì dừng để họ khởi.

3) Đối với người khổ thì cứu giúp họ được an vui, đó là cứu hộ.

4) Vì cứu giúp lìa khổ được vui, vì hộ nên khiến bỏ ác làm lành.

5) Cứu hộ là một việc, nghĩa là cứu vớt chúng sinh vậy

3. Thứ ba trở xuống là tự nói trái với quy chế kết phạm, trong đó trước nói trái phạm quy chế có bốn nghĩa:

1. Đối với chúng sinh không khởi tâm từ đã là lỗi lớn, huống gì làm việc giết. Giết rồi là trọng. Huống gì lại tâm trộm, tâm trộm rất nặng. Huống gì từ chỗ quyết tâm, cho nên sát này rất nặng, còn tâm trộm: tâm giết không hạn lượng, duyên các cảnh không biết đư. “Quyết ý” là tâm giết mạnh mẽ xứng tình với ba thời không xen hở.

“Bồ-tát Ba-la-di-” là kết tên tội. Như trước đã giải thích. Hết phần một Số giải Bồ-tát giới Bản

